

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA DAO

GS Phạm Thị Nhung

Kỳ IV

BỒN PHẬN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

Bồn phận đối với chồng, thiên chức làm vợ.

Ngay khi vừa bước chân về nhà chồng, cô dâu mới đã tự nguyện đem tất cả thiện chí, tài đức của mình để xây dựng hạnh phúc gia đình :

Nguyện với trắng già

Tơ hồng kết lại một nhà đảm ấm yên vui.

Việc đầu tiên, nàng bỏ bớt điểm trang, tỏ ra ta đây là gái đã có chồng :

Có chồng bớt áo thay vai

Bớt màu trang điểm kéo trai nó lằm.

Rồi sẵn sàng cùng chồng chia ngọt sẻ bùi, đồng lao cộng khổ:

- Nếu chồng nàng là con nhà nông,

nàng vui vẻ cùng chàng chia phần công tác.

Từ việc đồng áng:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.

Đến chuyện bếp núc, quấy cơm:

Trời mưa cho lúa chín vàng

Cho anh đi gặt, cho nàng quấy cơm.

Vào những tháng rảnh rỗi, nàng lại cùng chồng sửa sang mái ấm gia đình :

Em về cắt gĩa, đánh gianh

Chặt tre, chẻ lạt cho anh lợp nhà.

Sớm khuya hòa thuận đôi ta

Hơn ai gác tía, lâu hoa một mình.

Còn những ngày được mùa, tuy phải làm việc cực nhọc, đầu tắt mặt tối, nhưng nàng rất phấn khởi, vì biết rằng sẽ có đủ tiền đóng thuế, đóng sưu (tức chuộc sưu dịch) cho chồng. Chàng hẳn yên lòng khi đã làm tròn bổn phận công dân, lại được miễn hết các công việc tạp dịch vất vả :

Tháng năm gặt hái đã xong

Nhờ trời một mẫu năm nông thóc đầy.

Nông thóc đầy em say, em giã

Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.

Sang năm lúa tốt, tiền nhiều

Em đem đóng thuế, đóng sưu cho chồng.

Hơn nữa, nàng còn tính đến chuyện mua nhiều, mua xả cho chồng để chàng có được chút danh phận với đời. Muốn thế, nàng tự nhủ, phải làm việc hơn nữa. Nghĩa là ngoài công việc đồng áng, nàng còn phải lo cửi canh để làm tăng gia ngân quỹ gia đình:

Con rô nó rạch lên phen

Uốn tay cho mềm, dệt cửi cho ngoan.

Có tiền ta đóng việc quan cho chồng.

Một khi chồng nàng được dự vào hàng quan viên trong làng, chàng chẳng những không phải lo chuyện bị gọi đi phu phen tạp dịch cực khổ, mà vào những ngày hội hè đình đám, chàng còn được khăn đóng áo dài, ăn trên ngồi trước, vẻ vang như ai (ý chỉ hàng chức sắc, là những người có khoa

bằng, chức tước hoặc được phẩm hàm vua ban, hay những vị chức dịch trong làng).

-Nếu chồng nàng là học trò.

Sống trong một xã hội trọng văn học cử nghiệp như xã hội VN ta, nếu chồng nàng là học trò, đang theo đòi việc nghiên bút thì nàng vô cùng hể hả ; nàng quyết lòng nuôi chàng ăn học cho đến thành danh :

*Em thời canh cử trong nhà
Nuôi anh ăn học đặng khoa bảng vàng.*

Hiện tại, nàng đang được sống trong cảnh êm đềm, thơ mộng. Khi thì vợ chồng làm việc chung bóng dưới đèn:

*Em ngồi canh cử trong khung
Anh đến ngồi học cùng chung một đèn.*

Khi thì bên nhau dưới ánh trăng thanh :

*Sáng trăng giải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.*

Nàng không quản ngại thức khuya dậy sớm chăm sóc, nhắc nhở chồng trau thi luyện phú, dùi mài kinh sử :

*Khuyến anh đọc sách, ngâm thơ
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khâu.*

Và :

*Canh một dọn cửa, dọn nhà
Canh hai dệt cử, canh ba đi nằm.
Canh tư bước sang canh năm
Trình anh dậy học chớ nằm làm chi.*

Để khích lệ chồng cũng như mình vượt thắng những giờ phút nhọc nhằn, lười biếng, chán nản... nàng vẽ ra một tương lai xán lạn khi chàng được đặng khoa bảng vàng :

*Nữa mai chúa mở khoa thi
Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh.*

Và nhất là cảnh tượng huy hoàng, náo nhiệt trong ngày chàng tân khoa Tiến sĩ vinh qui bái tổ :

Võng anh đi trước, em thì võng sau

Tàn, quạt, hương án theo hầu

*Rước vinh qui về nhà bái tổ
Ngả trâu bò làm lễ tế vua
Họ hàng ăn uống say sưa
Hàng tổng, hàng xã mừng cho ông nghè.*

Ngoài ra, chàng còn làm về vang tổ tông và bảo đảm cho gia đình một đời sống danh giá, sung túc :

*Trước là vinh hiển tổ tông
Sau là xiêm áo thành thoi
On trời, lộc nước đời đời hiển vinh.*

Dám hỏi trong xã hội ta xưa kia, có bao nhiêu chàng trai khoa danh hiển đạt mà không nhờ vào sự khích lệ và tận tình giúp đỡ của các bậc hiền phụ ?

- Nếu chồng nàng là lính.

Một khi có lệnh vua chúa ban ra, cắt cử mỗi làng phải đóng góp bao nhiêu binh lính, thì làng cứ tính theo tỷ số dân đinh của mình mà lo liệu cho đủ.

Trường hợp chồng nàng bị đặng lính. Nàng thiết nghĩ, âu đó cũng là nghĩa vụ của chàng đối với vua với nước, nên không dám cản ngăn. Nàng chỉ xin hứa một điều, ở nhà, sẽ chăm lo gánh vác việc gia đình cho chàng được an lòng ra đi :

*Khuyến anh đi lính cho ngoan
Cho dân được cậy, cho quan được nhờ.*

Và :

*Anh ơi phải lính thì đi
Việc nhà đơn chiếc đã thì có tôi.*

Nhưng nghĩ đến nông nổi vất vả của chồng trong suốt thời hạn quân dịch, kéo dài có tới sáu năm, khi đến mười năm, thì lòng nàng rất đổi xót xa. Thế nên, mỗi bước chân tiễn đưa là mỗi tiếng than khóc tỉ tê :

*Con cò lặn lội bờ sông
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
Từ ngày chồng nàng đi lính xa nhà đến giờ,
nàng xiết bao cô đơn, sầu khổ :*

*Anh đi lưu thú Bắc thành
 Để em khô héo như cành mai khô.
 Phượng hoàng lẻ bạn sầu tư
 Em đây lẻ bạn cũng như phượng hoàng.*

▫Trường hợp chồng nàng là trai thời loạn.- Đọc kinh sử nước nhà chúng ta đã rõ, từ thời lập quốc đến nay, chinh chiến xảy ra triền miên; hết ngoại xâm (Trung Hoa một ngàn năm, Pháp một trăm năm) lại đến nội chiến, huynh đệ tương tàn (Lê-Mạc, Trịnh-Mạc, Trịnh-Nguyễn, Tây Sơn-Nguyễn), chưa kể đến những cuộc vua quan đem quân đi chinh phạt Chân Lạp, Thủy Chân Lạp với những cuộc nổi dậy của nông dân chống lại triều đình Huế. Đến đời chúng ta, sau năm 1954, Nam Bắc lại phân tranh vì ý thức hệ Quốc – Cộng ... đã khiến biết bao gia đình phải ly tán, vợ chồng cách xa.

Làm trai thời loạn, nếu chồng nàng không bị động viên thì cũng vì lòng ái quốc mà tự nguyện nhập ngũ, tòng chinh. Do ý thức được nghĩa vụ thiêng liêng của chồng trong cơn quốc biến, nàng không dám để cho nước mắt nhi nữ thường tình làm nhụt chí khí nam nhi, mà trái lại, đã khẳng khái khích lệ chồng mau mau lên đường phụng quốc:

*Anh đi theo chúa Tây Sơn
 Em về cây cuốc mà thương mẹ già.
 (Thời Tây Sơn đại phá quân Thanh)*

*Tổ tiên để lại em thờ
 Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua.
 (Thời vua Hàm Nghi xưng hịch cần vương)
 v.v...*

Nàng xin hứa với chàng một dạ son sắt, thủy chung đợi chờ :

*Đá mòn, nhưng dạ chẳng mòn
 Tào Khê nước chảy, hầy còn trơ trơ.*

Xưa nay chinh chiến mấy ai về?... Nàng chinh phụ của chúng ta đã ôm con chờ chồng cho đến hơi thở cuối cùng. Cái chết của nàng đã được huyền thoại hóa, nàng ôm con lên non ngóng chinh phu, hóa đá thành núi Vọng phu. Từ đó, hồn nàng đã nhập vào hồn thiêng sông núi; và tượng đá hình nàng ôm con chờ chồng đã trở thành một biểu tượng cho tình yêu son sắt, thủy chung của người chinh phụ đối với chinh phu, nói rộng ra, của người phụ nữ VN đối với người bạn trăm năm.



Tranh Nguyễn Thy.

Trên khắp giải đất VN của chúng ta đã có biết bao người ly phụ, một dạ keo sơn

gắn bó, thủ tiết đợi chờ người bạn đời như vậy. Bởi thế, nhiều nơi có núi vọng phu :

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
 Có nàng Tô Thị đứng chờ đợi ai.
 Vọng Phu cảnh đẹp núi Nhồi
 Có nàng chinh phụ phượng trời dầm dẫm.
 Bình Định có núi vọng phu
 Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh.*

(Còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM THỊ NHUNG
 (Paris)

Vườn, Hoa Vào Thu

Bình thường, tôi vẫn bình thường
sớm mai trở dậy soi gương vẽ mày
ngó bàn tay, ngó bàn tay
tay năm ngón chẳng hao gầy ngón mô

Vén lên sợi tóc mai thừa
nghe như từ tạ cũng vừa tháng năm
chân mang guốc gỗ ra thăm
đào xoan mấy cội đứng nằm dưới sân

Vườn thơm đâu có ngại ngần
dâng ta một đóa hoa hồng đỏ tươi
xanh um ở phía sau đồi
rọp lên rau cải rau mùi của ta

Thương chưa, bầu vẫn ra hoa
cành non lá nõn la đà ấp yêu
lá sao lá uốn mỹ miều
cành sao cành dịu dàng leo phủ giàn

Trời xanh, cỏ biếc, thu vàng
hai con bướm đậu tan hàng, ngần ngợ
nhớ ngày bụi phấn vào thơ
mùa xuân sao để thẹn thùa đi qua

Đừng làm vỡ giấc mơ hoa
giữ cho em trọn đường qua lối về

Vi
Khuê
(Virginia)



Garden, Flower in Autumn

Usual, I felt quite usual
A morning waking up, with a mirror,
painted my eyebrows
Looked at my hand, looked at my hand
It had five fingers, none were particularly thin

Tidying up a protruding hair
I felt time's progress in the air
Putting on my wooden clogs and went to see
in the courtyard the several cherry trees

The sweet smelling garden did not hold back
Offered me a bulb of rose radiantly red
Behind the hill the very green
urged on my lush herb and spice garden

How lovely, the calabash still had flowers
Young vines dropped low with tender leaves
How beautiful were these leaves that twisted
How the vines so gently climbed and
covered the frame

Yellow fall, green grass, blue sky
Two bewildered butterflies landed out of line
Recalled when powder-fragrance started
into poetry
How could I have let spring days gone by
so regretfully

Don't shatter the flowery dream, my dear
Please preserve for me the melodies of my years

Chữ Nhị Anh
(Virginia)

THÚ VUI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

PHƯƠNG DU

Da số dân chúng Việt Nam sống về nghề nông, chuyên về trồng lúa, cho nên chỉ làm việc trong những tháng mưa. Vì thế vào mùa Xuân là mùa khô ráo dân chúng không làm việc cho nên ca dao thường nói:

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai cờ bạc tháng ba hội hè...*

Tục ngữ cho ta biết có hai thứ vui chơi, là tứ khoái và tứ đồ tường. Tứ khoái được diễn tả bằng bài thơ sau đây :

*Sương thay tứ khoái ở trên đời
Thiên hạ ai ai cũng hưởng chơi
Đừng bảo rằng đời là bể khổ
Không không tứ khoái quá vui rồi*

*Khoái uống khoái ăn khoái nói tông
An Khang ngon giấc suốt đêm đông
Bình minh thưởng thức mùi hương lúa
Hưởng thú điền viên bó ruộng đồng*

Tục ngữ và ca dao có những câu sau đây :

*Ăn được ngủ được là tiên
Không ăn không ngủ mất tiền thêm lo*

No cơm ấm cật, dậm dật tại gia

Thứ nhất quận công, thứ nhì tiện đồng

Tứ đồ tường có bốn thứ vui sau đây: cờ bạc, rượu chè, trai gái, thuốc xái. Về loại ăn chơi này nếu không biết tự kiềm chế sẽ

vướng phải nhiều tai họa làm cho tan cửa nát nhà :

*Cờ bạc là bác thẳng bản
Cửa nhà bán hết tra chân vào cùm*

Vì vậy thú chơi này phần nhiều bị chính phủ cấm đoán, nhất là cờ bạc, tuy thế dân chúng vẫn say mê vì là tục lệ “phép vua thua lệ làng”:

*Luật pháp không tha tứ đồ tường
Thế mà thiên hạ vẫn đua mang
Dạy gì ta lại khu trừ nó
Vì biết phép vua thua lệ làng.*

Giới trí thức Việt Nam xưa chịu ảnh hưởng của Lão giáo và Khổng giáo thường hay thực thi thú vui tứ đồ tường mà không bị tai họa vì họ biết giữ luật trung dung.

Về rượu chè, thi sĩ nào cũng hưởng thụ thú vui này, mỗi người một lý do, mà lý do nào cũng có tính cách tích cực, khác với tính tiêu cực của thi sĩ Vương Hàn, trong bài thơ nhan đề “Lương Châu Từ”:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Giục ẩm tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*

Sau đây là các lý do uống rượu của các nho sĩ Việt Nam :

1) Để vui chơi cùng bè bạn, trong bài thơ khác Dương Khuê, Nguyễn Khuyến viết:

*Cũng có khi rượu ngon cùng nhấp
Chén quỳnh tương ấm áp bầu xuân...*

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền
không mua*

2) Đề tìm cảm hứng làm thơ:
*Khi gió gác khi trăng sân
Bầu tiên chuốc rượu câu thần nói thơ*
(Nguyễn Du)

3) Đề cho trí óc được sáng suốt:

*Khi chén rượu khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên*
(Nguyễn Du)

4) Đề xuất trần tiêu dao tiên cảnh:
*Thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà
Thú xuất trần tiên vẫn là ta*
(Nguyễn Công Trứ)

5) Đề tránh cảnh bon chen trong vòng danh lợi:
*Thu ăn măng trúc đông ăn giá
Xuân tắm bầu sen hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*
(Nguyễn Bình Khiêm)

6) Đề cho dễ ngủ, không cần dùng thuốc:
*Đánh ba chén rượu khoanh tay giấc
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười*
(Nguyễn Công Trứ)

7) Đề tiêu khiển:
*Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy
Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười
Thôi công đâu chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chung lếu láo*
(Cao Bá Quát)

8) Đề tiêu sầu... :
*Thê ngôn tú tửu chân vô ích
Ngã dục tiêu sầu thả tự do*

Về trai gái, ngoài những bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, ta thấy cũng có ít nhiều thi sĩ tán thưởng thú vui “cảnh già chơi trống bỏi”:

Bài thơ chiếu gon

Tương truyền một hôm, Nguyễn Trãi trên đường đi châu về, trời nhá nhem tối thì gặp Nguyễn Thị Lộ. Thấy cô gái bán chiếu xinh đẹp, Nguyễn Trãi cao hứng ngâm mấy câu thơ gheo:

*Á ở nơi nào, bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?*

Không ngờ cô bán chiếu cũng ngâm thơ đáp lại:

*Thiếp ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Cớ chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh vừa độ trăng tròn lẻ
Chồng còn chưa có, có chi con!*

Nguyễn Trãi yêu sắc, phục tài bèn dò hỏi gia cảnh rồi cưới Nguyễn Thị Lộ làm thiếp.

Cảnh già lấy vợ hầu

.....
*Trong trần thế duyên duyên nợ nợ
Duyên cũng đành mà nợ cũng đành
Xưa nay mấy kẻ đa tình*

Lão Trần là một với mình là hai
Càng già càng dẻo càng dai.*

(Nguyễn Công Trứ)

*Xưa có Trần Tu 73 tuổi đỗ tiến sĩ vua gả cho vị công chúa vừa 17 tuổi và nay có ông (Nguyễn Công Trứ) cũng ở tuổi 73 cưới

nàng hầu, là hai Thi sĩ Trần Kế Xương, về trai gái, cho ta những câu thơ sau đây:

*Một trà một rượu một đàn bà
Ba cái lãng nhăng nó quấy ta
Chừa được cái nào hay cái đó
Có chăng chừa rượu với chừa trà*

Tóm lại trong cuộc sống ta ta bị cám dỗ bởi nhiều thú vui, nhưng theo ý kiến của Trần Kế Xương thì chừa được cái nào hay cái đó.

*Từ đồ tường
Từ khoá lại thêm từ đồ tường
Tham lam tám thứ dễ sâu vương
Phật khuyên triệt để trừ ham muốn
Khổng dạy trung dung giữ kỷ cương
Không rượu không chè nghèo khẩu vị
Không trai không gái nhạt tình hương
Ai ơi hãy gắng theo thiên mệnh
Ấm cật no cơm ngủ kỹ càng*
(Phương Du)

TỆ NẠN “XUẤT KHẨU LAO NÔ”

“Xóa đói giảm nghèo”... Đảng thiết tha!
Người dành cố đất, kẻ cầm nhà!“
Đóng tiền dịch vụ”: thân cùng quẫn!“
Xuất khẩu lao nô”: cảnh xót xa!
Mòn mỏi vời trông về đất mẹ!
Ngậm ngùi tử biệt đáo quê cha!
Ra đi nào biết ngày về lại
Sống chết đôi đường... giọt lệ sa!

6/9/2010

HỒ CÔNG TÂM
(Texas)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



BÓNG DÁNG ĐÀ LẠT TRONG THƠ NHẤT TUẤN

NGÔ TĂNG GIAO

Nhà thơ NHẤT TUẤN tên thật là PHẠM HẬU. Sinh trưởng tại Nam Định. Quê ngoại quê nội ở Ninh Bình. Di cư vào Nam năm 1954. Gia nhập trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, năm 1955, Khóa XII. Rồi từ 1966 từng làm Quản Đốc Đài Phát Thanh, Giám đốc Nha Nghiên Cứu Kế Hoạch Bộ Thông Tin, Giám Đốc Nha Vô Tuyến Truyền Thanh và Tổng Giám Đốc VN Thông Tấn Xã v.v... Trên vai nhà thơ là hai hoa mai trắng: Trung Tá.

Nhà thơ được biết đến nhiều qua những tập thơ “*Truyện Chúng Minh*” (xuất bản trong khoảng từ 1959-1964) và những tập truyện “*Đời Lính*” (xuất bản 1965). Trên 50 bài thơ trong “*Truyện Chúng Minh*” đã được phổ nhạc bởi nhiều nhạc sĩ trong khoảng từ 1959-2008.



Từng sống ở Đà Lạt nên thành phố đầy sương mù và mưa bay này vẫn luôn mãi tiềm ẩn ở một góc nào đó trong trái tim nhà thơ. Có lẽ cũng vì thế mà trong những vần thơ “*Truyện Chúng Minh*” NHẤT TUẤN đã ghi lại một số những dòng hồi tưởng với hình ảnh Đà Lạt mà một phần đời của mình còn gửi lại nơi chốn ấy. Và có lẽ để tưởng vọng về Đà Lạt mà trong chuỗi ngày sống ly hương, khi mái tóc đổi màu, nhà thơ đã chọn một thành phố cũng đầy mưa rơi giữa miền đồi núi chập chùng với ngàn thông xanh hoài ngàn năm ở vùng trời tây bắc Hoa Kỳ để định cư, đó là Seattle (Washington State).

Trong thơ NHẤT TUẤN, thoát tiên tình yêu thấp thoáng trong bài “*Truyện Chúng Minh*”, chỉ gọi lên nỗi nhớ mong của người ở Đà Lạt vì bị xa cách với người ở Sài Gòn:

*“Còn nhớ những thư người trước gửi
Sài Gòn - Đà Lạt mới năm nào
Từng chiều thứ bảy anh mong đợi
Màu chữ xanh, yêu đến ngọt ngào*

*Hồn có nguyên trinh màu trắng cũ
Môi hồng vẫn thắm thuở ban đầu
Không dung lòng rộn niềm ao-ước
Nhưng biết ai còn nhớ đến nhau.”*

Trong đời lính, khi phải rời xa Đà Lạt, từ nơi tiền đồn biên giới nhà thơ gửi lòng nhung nhớ về thành phố này nhân mùa Giáng sinh khi viết bài “*Niềm Tin*”, cũng đầy mong nhớ:

*“Lại một Noel nữa
Mấy mùa Giáng sinh rồi*

Anh ở đồn biên giới
Thương về một khung trời.

Chắc Đà Lạt vui lắm
Mimosa... nở vàng
Anh đào khoe sắc thắm
Hương ngào ngọt không gian

Mấy mùa Giáng sinh trước
Chỗ hẹn anh chờ hoài
Lần này không về được
Hỏi hộp đơi tin ai.”

Một ngôi giáo đường nhỏ bé của Đà Lạt cũng lưu lại kỷ niệm một mùa Giáng Sinh với hoa anh đào khoe sắc thắm trong lòng NHẬT TUẤN. Nhà thơ viết bài “Nhà Thờ Đường Cô Giang”:

“Thêm xuân nữa lại về
Giữa một trời tuyết lạnh
Nhiều đêm dài xa quê
Tìm hoài trong ảo ảnh

Những kỷ niệm thần tiên
Bây giờ anh vẫn nhớ
Nhà thờ đường Cô Giang
Chúa nhật... mình đến đó

Đà Lạt vào Giáng Sinh
Anh Đào reo mở hội
Tan lễ em và anh
Đường hoa về chung lối

Họ thấy... em hôn anh
Vội làm dấu Thánh Giá
Mấy sơ và... sư huynh...
Muốn là thiên thần cả!!

Em hỏi:
-Họ có yêu ?
Anh đáp:
-Khi khấn hứa
Họ xin yêu rất nhiều
Yêu hết con cái Chúa

Anh cố giữ niềm tin
Của tuổi trẻ mơ mộng
Nơi quê hương ngàn trùng
Xin em đừng tuyệt vọng

Vì sẽ có một ngày...
Giáo đường xưa... lại đến
Quỳ dưới trời tuyết bay
Thiết tha anh cầu nguyện.”

Sau khi tình yêu nơi giáo đường xuất hiện, trong hồi tưởng nhà thơ chỉ mong “thấy” được người yêu nơi bài “Cầu nguyện” (chứ không mong “lấy” như bản nhạc đã đổi lời) với hai câu cuối thật buồn bã:

“Con quỳ lạy chúa trên trời
Để cho con thấy được người con yêu
Đời con đau khổ đã nhiều
Kể từ thơ dại đủ điều đắng cay
Số nghèo hai chục năm nay
Xây bao nhiêu mộng trắng tay vẫn nghèo
Mỗi tình đầu trót bọt bèo
Vì người ta thích chạy theo bạc tiền
Âm thầm trong mỗi tình điên
Cầm bằng Chúa định nhân duyên bẽ bàng
Bây giờ con đã gập nàng
Không giàu, không đẹp, không màng lợi danh.
Chúng con hai mái đầu xanh
Chấp tay khấn nguyện trung thành với nhau.
Thề rằng sóng gió biển dâu,
Đã yêu... trước cũng như sau... giữ lời

Người ta lại bỏ con rồi,
Con quỳ lạy Chúa trên trời thương con.”

Giáng sinh thường là thời điểm kỳ diệu nhất trong suốt cả năm với tiếng chuông ngân nga trong đêm vắng, với ánh nến lung linh huyền ảo và thánh ca trầm bổng gọi lên những cảm xúc thanh thoát, êm đềm và thánh thiện. Bên giáo đường hoa mimosa Đà Lạt khoe sắc vàng tươi thắm, nhưng

trong lòng nhà thơ lại chỉ nổi lên kỷ niệm buồn bã với bài “*Mimosa Thôi Nở*”:

*“Noël xưa anh nhớ
Khi hãy còn yêu nhau
Nhà thờ nơi cuối phố
Thấp thoáng sau ngàn dâu
Anh chờ em đi lễ
Chung dâng lời nguyện cầu
Mimosa bừng nở
Đẹp như tình ban đầu
Đà Lạt mờ trắng lạnh
Đường về ta bước mau.*

*Rồi anh hỏi khẽ em
Đã xin gì với Chúa
Trong đêm lễ Noël
Em lắc đầu chẳng nhớ
Nhưng hồng lên đôi má
Nắm tay anh đợi chờ
Trông em sao xinh quá
Và ngoan như nàng thơ*

*Mới bốn mùa thu qua
Mimosa vẫn nở
Sao mới tình đôi ta
Ai làm cho dang dở*

*Đêm nay Noël đây
Chuông nhà thờ khắc khoải
Gió thổi lang thang bay
Mưa buồn giăng ngõ tối*

*Anh quỳ bên tượng Chúa
Cúi đầu chấp hai tay
Lạy Chúa con chờ đợi
Người ngày xưa về đây
Nhưng em không về nữa
Đường khuya mưa bay bay
Mimosa thôi nở
Trong hồn anh đêm nay.”*

Trong bài thơ “*Truyện Cây Hoa Mimosa*” (1964), lại cũng vẫn thoáng về giận hờn, trách móc:

*“Một đi vĩnh biệt cao nguyên
Mimosa trả... cho miền núi non
Làm gì có chuyện sắt son
Thì thôi đừng dại mỗi mòn mắt trông”*

Đà Lạt là thành phố với núi đồi và rừng thông. Núi vươn cao cùng thông xanh reo suốt bốn mùa như cùng hát vang lên khúc tình ca gửi vào năm tháng mà nếu vắng bóng thời thành phố sẽ như một cơ thể mất linh hồn. Hình ảnh ngọn núi cao Lap Be Bắc (Lapbe Nord) và cảnh Đà Lạt về đêm đã được nhà thơ NHẬT TUẤN nhắc tới trong bài “*Đêm Cuối Cùng Đà Lạt*”, cũng kể lại một chuyện tình dang dở:

*“Rồi kỷ niệm về dần trong trí nhớ
Đêm cuối cùng hai đứa đi ciné
Những con đường Đà Lạt lúc vào khuya
Hoa lá tả rơi vàng đôi mái tóc*

*Gió buốt từ “Lap Be Nord” xa tắp
Anh vội vàng cởi áo khoác cho em
Tiếng thở dài chen tiếng bước đi êm
Mình yên lặng diu nhau cho đến sáng.*

*Và anh nhớ em hát bài Hoài Cảm
Giọng ngân buồn, môi gọi cổ nhân ơi
Đêm hôm qua trong tiệc cưới đông người
Lời hát cũ làm anh xao xuyên mãi.*

*Ôi ngày xưa sao giờ không trở lại?
Để em là riêng của một mình anh
Để anh nghe hoài giọng hát thanh thanh
Nhưng câu chuyện chúng mình không kết cuộc*

*Vì hai đứa... tại vì... ai biết được?!
Nên giờ này anh phải sống xa em
Rồi tình cờ nghe giọng hát quen quen
Bài Hoài Cảm, đêm cuối cùng Đà Lạt!”*

Trước từng cùng “*người xưa diu hiền*” kể vai nhau tình tự ngồi bên hồ Than Thờ. Nay sao lại đã xa nhau, chỉ còn lại lời thơ

than tiếc nhớ dĩ vãng kỷ niệm trong “Bài Hát Đồi Sim”:

“Đà Lạt đầy sương khói
Một mình anh lặng yên
Nghe hồn mình nức nở
Nghe buồn len trong tim

Nếu mình đừng gặp nhau
Trên núi đồi Đà Lạt
Vi tình yêu ban đầu
Đã tan theo sóng nhạc

Người xưa... người xưa đâu?
Để... lòng anh tan nát
Đời bãi bể nương dâu
Cũng buồn như tiếng hát.”

Cũng vẫn hồ Than Thở Đà Lạt thuở nào là nơi đôi lứa vui chơi với hoa “bất tử” từng là sứ giả của tình yêu. Nhưng nay sao chỉ còn là một kỷ niệm buồn đến “tàn nhẫn” trong bài thơ “Cánh Immortel Cuối Cùng” (1964):

“Hôm xưa đi chơi hồ Than Thở
Em ngắt bên đường một đóa hoa
Rồi chạy đến anh cười hớn hở
Đây hoa bất tử như tình ta

Hoa ấy màu vàng chen sắc máu
(Màu vàng tâm sự kẻ yêu nhau
Là âu yếm với tình đơn hậu)
Êm đẹp bao nhiêu giấc mộng đầu

Quả thực cũng như tên bất tử
Bông hoa nhỏ nhỏ của người thơ
Anh đem về để trong phòng ngủ
Tươi mãi không tàn, có lạ chưa

Từ dạo sân nhà em đổ pháo
Em cùng người ấy sống yên bình
Đêm đêm úp mặt vào tay bảo
Nào có ra chi... truyện chúng mình

Trái với tên hoa là bất tử
Hoa dần héo rũ sắc tàn phai

Cánh rơi tan nát như tâm sự
Như tiếng lòng anh khẽ thở dài

Rồi đến chiều nay cánh cuối cùng
Trời dâng lệ xuống khóc rung-rung
Hoa ơi đừng giống tình ta nhé
Ta vẫn cầu mong được thủy-chung

Anh quên màu đỏ trong hoa đó
Màu đỏ là màu của biệt-ly
Và của bao nhiêu sầu hận tủi
Giờ đây còn biết nói năng chi

Cánh hoa bất tử rơi lần chót
Tàn nhẫn như người rũ áo đi.”

Mưa Đà Lạt giăng mắc trên thành phố cũng khiến cho nhà thơ ngậm ngùi nhớ lại biết bao hình ảnh cũ chất chồng, đầy ngang trái và nát tan. Trong cảnh Xuân về với cái Tết tha hương, NHẬT TUẦN viết bài “Mưa trong kỷ niệm”:

“Chiều mưa đó tưởng không còn gặp lại
Lần cuối cùng hai đứa lặng nhìn nhau
Có bao giờ em hiểu được anh đâu
Tình ngang trái và những lời gian dối

Trong tay nhau nhiều lần anh tự hỏi
- Ái Khanh ơi ! Em còn nhớ chăng em
Bình minh hồng... và những buổi chiều êm
Truyện Chúng Mình... với bao nhiêu kỷ niệm

Hoa không đợi mà tình cờ bướm đến
Mình yêu như chưa từng có bao giờ
Em về rồi anh ở lại bơ vơ
Và bỗng thấy muốn giận hờn mãi mãi

Chiều mưa đó tưởng không còn gặp lại
Nào ngờ đâu trên thành phố Cao Nguyên
Đang âm thầm đếm bước dưới trời đêm
Anh bỗng thấy dáng người xưa thấp thoáng

Mái tóc đó bỗng bênh che vàng trán
Nét môi cười và cặp mắt nai thơ

Anh tưởng mình như đang sống trong mơ
Và thăm hỏi hay chỉ là hư ảnh

Ai thoát gặp đã vội vàng lần tránh
Trong mưa bay anh thờ thần ra về
Mimosa tràn ngập lối anh đi
Hoa hay chính mình đang tan nát...?

Tết tha hương... nhớ mùa xuân Đà Lạt
Lòng băng khuâng nhớ người cũ năm nào
Tình tưởng phai theo ngàn cánh anh đào
Bỗng giây phút lại thắm hồng nỗi nhớ

Tiếng mưa như giọng ai... hoài nước nở
Lần cuối cùng... rồi mãi mãi...
Và mãi mãi... chia xa...
Cho hồn anh nổi bão táp phong ba
Thương từng hạt mưa buồn trong kỷ niệm.”

Một ngày nào đó khi hồi tưởng về thành phố cao nguyên với tình yêu đẹp để tràn đầy mộng ước lúc mình còn là sinh viên võ bị, NHẬT TUẤN viết bài “*Nhớ Về Đà Lạt*” (1964). Thời gian trôi qua. Cảnh vẫn còn đó. Người xưa đã cách xa. Để rồi lại cũng vẫn đầy hình ảnh của buồn bã, của dang dở chia ly vào giai đoạn cuối của khúc nhạc tình:

“*Nhớ tám năm về trước
Khi còn là sinh viên
Học trong trường Võ bị
Nơi núi rừng cao nguyên*

*Dạo ấy em mười tám
Xinh đẹp hơn tiên nga
Tóc mây bồng vương trán
Môi cười tươi như hoa*

*Còn nhớ không ngày xưa
Đà Lạt buồn trắng mờ
Gió vàng trên nước biếc
Chim chiều bay bờ vờ*

*Chúng mình sát vai nhau
Tay đan tay chậm bước*

Cùng đếm từng vì sao
Rồi xây bao mộng-ước

Rừng ái ân vẫn đó
Hồ Than thờ còn đây
Thông im buồn đợi gió
Mây đôi xa còn bay

Cũng vẫn một khung trời
Còn nguyên hình ảnh cũ
Em bây giờ xa rồi
Tìm đâu người viễn xứ

Tình nào không dang dở
Màu nào mà không phai
Cho nên anh không nở
Làm thơ để trách ai

Riêng chiều nay nhớ lại
Truyện chúng mình ngày xưa
Nhìn khung trời Đà Lạt
Mà tưởng mình đang mơ.”

Trong cuộc sống tại nước ngoài, với tiêu đề “*Truyện chúng mình hải ngoại*” NHẬT TUẤN viết: “*Thôi trang đời đã khép*”:

*“Và những chiều Đà Lạt
Một mình trên đồi thông
Mưa nhạt nhoà trong mắt
Gửi sầu... vào mênh mông”*

Bài “*Áo ảnh*”:

*“Xin giữ mãi kỷ niệm buồn Đà Lạt
Giữa đồi thông rừng cỏ non xanh ngắt
Nhớ điên cuồng trong một phút băng khuâng”*

Bài “*Lại một xuân buồn*” (1985):

*“Nhớ Bích Câu Đà Lạt thoáng mưa bay
Hồ Than Thờ cùng lòng ai hòa nhịp
Rừng Ái Ân với ngàn thông xanh biếc
Thác Gougah, cây gọi gió than van
Đồi 15 đầu đó cụm mai vàng
Giáng Sinh tới Anh đào khoe sắc thắm
Mimosa sương long lanh đọng nắng*

*Chiều Lâm Viên, bản Thượng khói dâng cao
Những kỷ niệm xưa thân ái biết bao...
Ghi lại thuở bên nhau nơi Trường Mẹ!*

*

Mới chỉ trích dẫn một số ít vần thơ trong “*Truyện Chúng Minh*” của NHẤT TUẤN người đọc đã thấy bóng dáng thành phố sương mù Đà Lạt chập chờn ẩn hiện. Bóng dáng Đà Lạt một trời thương nhớ quả thật rất thích hợp để được chọn làm bối cảnh cho những truyện tình.

Tình yêu nam nữ đã có từ vạn kiếp và luôn là một đề tài bất diệt trong vườn hoa văn học nghệ thuật của bất cứ quốc gia nào. Riêng trong lãnh vực thi ca thì từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, tình yêu luôn gọi hứng cho các nhà thơ. Hình như tình yêu không có tuổi tác, chừng nào trái tim con người còn đập thì con người còn yêu. Hơn nữa một số văn sĩ, thi sĩ đã từng nói rằng: “Thơ trữ tình có thể coi như tổng hợp, như tuyệt đỉnh của thơ, mà chính thơ là tuyệt đỉnh của tiếng nói loài người!” Họ còn mạnh miệng nói thêm nữa: “Thi ca sẽ là tôn giáo cuối cùng trên mặt địa cầu này khi mà tất cả nhân loại không còn giữ lại được cho họ một niềm tin nào ở nơi tôn giáo mà chúng ta đang có”.

Thật ra nhà thơ không phải là kẻ vi phạm tội mà bị “phát vãng” từ thiên cung xuống dưới trần như có người thường nói. Nhà thơ cũng chỉ là một con người bình thường và đối tượng của thơ, chất liệu tạo ra thơ chính là cuộc sống trên cõi nhân gian mà thôi. Cũng vẫn có yêu có ghét, có vui có buồn, có quên có nhớ, có xum họp và có chia ly... Có lẽ phải quan niệm rằng: “Thơ là một lối sống, một lối nhận thức, một lối dùng ngôn ngữ, âm điệu để diễn tả tâm tư tình cảm riêng. Cái nền của thơ là cảm xúc, một cảm xúc thành thật. Thơ không phải là một cách đọc thoai mà phải là một

cách truyền đạt kinh nghiệm cho tha nhân. Thơ cần có sự thông cảm và thương thức của người đọc.”

Người yêu thơ có lẽ phải nhận ra rằng NHẤT TUẤN, với những vần thơ lai láng trữ tình trong “*Truyện Chúng Minh*” không phải chỉ là truyện riêng tư “thì thầm bên gối” giữa hai người nữa mà đã hóa thành “truyện chúng mình” của bao nhiêu là đôi tình nhân thanh niên nam nữ khác. Nhà thơ đã viết xuống hộ những trang nhật ký về tình yêu của những người trẻ tuổi. Khi thì đắm đắm thiết tha. Nhiều lúc lại dang dở não nề, phải cần đến thời gian như là một loại linh dược để dần dần hàn gắn các vết thương lòng trong quá khứ. Có thể coi đây là tâm sự chung của một thế hệ thanh niên thời đó, đồng lứa tuổi với tác giả.

Nhưng có một điều quan trọng cần phải nói thêm là sau những tháng ngày quần quai với “*Truyện Chúng Minh*”, NHẤT TUẤN đã vơi khỏi những hình ảnh buồn chán thương đau, những nhớ nhung rất thể nhân thường tình của thời trai trẻ đó. Nhà thơ đã chuyển hướng về một chân trời thi ca với tầm cao của những hình ảnh đẹp đẽ hơn như những lời tâm sự chân thành của nhà thơ NHẤT TUẤN mấy chục năm sau khi viết những “*Truyện Chúng Minh*”:

*“Ngày còn là cậu học trò Trung Học
Trong tình yêu bé nhỏ, cá nhân
Tôi đã từng than thở biết bao lần
Và làm thơ
Trách những người mau phụ bạc...”*

...

*Giờ đây, theo đời sống quân đội lớn lên
Sau những tháng năm tranh đấu
Tôi bỗng thấy rằng
Mình chỉ toàn là thương hò nhớ hã
Tôi bỗng thấy rằng
Còn rất nhiều tâm sự khác để làm thơ...”*

Ngô Tăng Giao
(VIRGINIA, Mùa Thu Vàng 2010)

CẢNH ĐỜI HƯ ẢO

Đỗ Bình

Chiều trên sông Seine nắng vàng ngả long lanh mặt nước tựa ánh trăng đêm, bờ xa mấy con sóng bạc nhấp nhô rẽ theo chiếc du thuyền trắng như đám mây nổi chờ đầy khách du ngoạn. Vừa chớm thu trời se se lạnh, gió hiu hiu không đủ làm dòng sông gọn sóng nhưng hàng cây ven bờ vẫn lao xao, thỉnh thoảng có chiếc lá vàng nhẹ rơi. Cứ mỗi độ thu, vào những ngày cuối tuần Đấng thường ra sông Seine một mình ngồi nghe tiếng sóng vỗ để nhớ về những dòng sông quê. Cơn gió lùa thoảng qua hơi lạnh làm sáng khoái tâm hồn, Đấng hít mạnh nhưng vẫn dỗi mắt nhìn chiếc lá lững lờ trôi. Chàng trầm nghĩ: *«Nếu cuộc đời êm như dòng sông thì tâm hồn chàng sẽ chẳng dăng bão tố! Như thế những danh từ chiến tranh, thù hận và tình yêu cũng trở thành vô nghĩa.»*

Đấng đang thả hồn theo chiếc lá, bỗng những giọng Việt Nam chen lẫn tiếng cười làm chàng sực tỉnh, lòng cảm rộn rã vì nơi mảnh trời xa xôi này thoảng được nghe ngôn ngữ, làn điệu quê hương rất ấm áp phát ra quanh đây. Chàng ngoái lại ngắm nhóm khách du lịch người Việt đang đi dọc theo bờ sông, trông cách ăn mặc của họ chàng biết đây là đám nhà giàu mới từ Việt Nam sang Paris. Quần áo và nữ trang của họ rất đắt tiền, loại dành cho những buổi dạ tiệc, có lẽ đây là những thành phần có quyền thế nên trung diện như thế? Nhìn họ bảnh bao mà chàng chạnh lòng nhớ đến quê

mẹ, mảnh đất còn nghèo đói. Ký ức một thời trước và sau chiến tranh, khúc phim dĩ vãng chợt quay về.

Ông bà ngoại Đấng ngày trước không giàu, ngoài một số ít ruộng đất ở quê và một hiệu buôn nhỏ ở Hà Nội, nhờ biết cần kiệm và chịu khó làm việc nên gia đình ngoại cũng dư giả; dù có tính cần kiệm nhưng ông bà lại rất hảo tâm, hay làm phước bố thí cho kẻ nghèo. Do công việc buôn bán ông bà phải giao tiếp với những khách hàng thuộc nhiều thành phần mà chẳng quan tâm đến các đảng phái, nhưng ông bà lại rất nhiệt tình ủng hộ những phong trào yêu nước nên chẳng bỏ sót lần đóng góp nào, nhất là những tuần lễ vàng do Việt Minh phát động. Ngoại có tám người con mà một nửa đã theo tiếng gọi Việt Minh lên đường, trong số đó có mấy người đã mất tích và chết trên chiến khu Việt Bắc, chỉ còn sống sót mỗi cậu giáo út! Những người con còn lại theo những chí hướng Quốc Gia, hai người bác của Đấng đều gia nhập quân đội Cộng Hòa, và đều bị tử trận hồi tết Mậu Thân, và chiến trường Quảng Trị! Bà di ruột chị của mẹ chàng cho đến ngày nhắm mắt vẫn chưa một lần quay về đất bắc. Bên nội Đấng là ngoại kiều, bố chàng là người lai sinh và lớn lên ở Paris làm y sĩ, có một thời gian phục vụ tại bệnh viện De Lanessan (Đồn Thủy) ở Hà Nội.

Sự mâu thuẫn âm ỉ trong gia đình ngoại đã ăn vào xương tủy lâu ngày nên gia đình thiếu vắng hẳn tiếng cười! Mẹ Đấng ngâm ngùi khóc, kể:

-«*Bà ngoại con buồn vì sự chia rẽ, anh em trong nhà thù lẫn nhau nên ngoại gia trước tuổi!*»

Trong số các anh chị em cậu giáo Tú là em út, người mẹ Đãng thương nhất. Cậu ở chung với ông bà và thường ghé thăm chị và cho quà các cháu. Nhưng bỗng dưng cậu biệt tích! Mãi sau này di cư vào Nam nghe mẹ kể cậu đã theo Việt Minh lên chiến khu chống Pháp, và chính cậu đã lên về Hà Nội khuyên gia đình nên sang Pháp để tránh hiểm họa sau này, nhưng mẹ Đãng vì thương những người thân nên nản nã chưa kịp đi thì hiệp định Genève chia đôi đất nước xảy ra!

Vào Sài Gòn mẹ Đãng là một nhà buôn, bà đang làm ăn phát đạt thì gia đình chàng có giấy hồi hương về Pháp, mẹ Đãng thương anh chị nên không muốn rời quê hương vì bà đã từng sống bên ấy. Chàng vì thương mẹ nên ở lại. Sau này khi chiến tranh trở nên khốc liệt, một số người bạn Pháp của mẹ là nhân viên sứ quán khuyên Đãng nên về Pháp, nhưng chàng cứ dửng dăng. Tự ái không cho phép chàng trốn tránh chiến tranh, dù rằng không thích, vì nó đã hủy diệt bao mầm sống, cướp đi bao người thân của chàng. Nhưng chàng cũng không thể làm ngơ khi các bạn xa gần của chàng nhiều người đã hy sinh vì lý tưởng, nằm xuống cho ước vọng tự do quê hương để giữ an lành cho bao kẻ khác, trong đó có gia đình chàng. Do đó chàng theo tiếng gọi lên đường dấn thân vào chốn hiểm nguy không phải để tìm vinh quang hay làm người hùng, mà chỉ mong giữ sự bình yên xóm làng, và cũng để trả nợ núi sông nơi đã sinh ra chàng.

Biển cỏ tháng tư năm 75, chàng cùng chung số phận với bao chiến hữu khác bị đi

tù nhiều năm, và được thả về vì lý do bệnh tật. Chàng được gia đình đưa vào bệnh viện Bình Dân tiếp tục điều trị, nhờ đầy đủ phương tiện chữa trị nên sức khỏe chàng dần dần khá nhiều, mắt đã hồi phục được một phần ánh sáng. Một hôm người thân đến thăm cho biết cậu Tú đã hưu trí và hiện đang ở nhà mẹ chàng tại Sài Gòn, nghe tên cậu lòng chàng vẫn lạnh băng, không cảm xúc! Hình ảnh của cậu Tú khi xưa đã nhạt nhòa trong ký ức!

Ngày chàng xuất viện thay vì về thẳng kinh tế mới, mẹ Đãng đã chạy cho chàng về tạm trú nhà mẹ, ở đây hai cậu cháu bắt đầu dĩ phải chạm mặt nhau. Cậu Tú khuôn mặt lạnh như đá, chẳng chút tình cảm. Đã thế cậu thường hay khiêu khích, mỉa móc trong mỗi câu chuyện nói với các bà chị cố ý cho Đãng nghe. Cậu oang oang tuyên truyền khoe thành tích chống Pháp, chống Mỹ, chống Tàu. Lúc đầu chàng còn nể tình cậu cháu nên im lặng, sau thấy cậu làm quá nên đã đốp chát lại. Chàng đem sự nghèo đói của VN ra so sánh với các nước Âu Mỹ, cứ mỗi lần như thế cậu Tú lại giả đò ngủ gà ngủ gật để tránh rơi vào ngớ bí, đúng là thủ thuật CS!

Tình trạng xung đột ấy cứ âm ỉ kéo dài cho đến một hôm mấy người bạn cũ đến thăm Đãng. Trong mắt cậu có vẻ hờn hờ, bốt hậm hực khi biết cả đám ấy đang phục vụ cho nhà nước. Họ có vẻ rất nể trọng cậu, và còn có nhã ý mời cậu cùng đi ăn. Trong lòng cậu hả hê, nhưng vẫn làm mặt nghiêm, giả bộ từ chối. Mẹ Đãng thấy thế nói thêm vô, và cậu nhận lời, Cả nhóm cùng kéo nhau lên phố Tự Do vào một nhà hàng sang trọng, nơi dành riêng cho người nước ngoài và cán bộ. Đây là lần đầu kể từ ngày Sài Gòn đổi tên chàng trở lại chốn quen thuộc này nên bỗng xúc động. Con đường xưa vẫn thế dù đã thay

tên nhưng dấu tích kỷ niệm vẫn còn. Vía hè vẫn tấp nập người qua lại nhưng người hôm nay trong những bộ quần áo xô xêch thiếu lượt là. Màu sắc lộng lẫy của con đường năm xưa đã tắt ngóm vì hồn thành phố đã chấp cánh bay xa!

Bước vào trong nhà hàng cảnh sắc trang trí bàn ghế vẫn thế, chàng thấy rạo rục tâm hồn như vừa tìm lại một kỷ vật lâu ngày đánh mất. Nhưng niềm hân hoan vội chùng xuống, có cái gì nghiền nghẹn chặn nơi cô họng; thì ra quanh đây lố nhố những chiếc nón cối ngả nghiêng trên bàn.

Mọi người ngồi xuống bàn, Dũng gọi những món ăn, rượu ngoại và bia xuất khẩu. Đăng không biết uống rượu nên chỉ thích ăn, nhìn những món hảo vị bày ra chàng chợt nhớ những năm đói lạnh trong tù, chàng đã thèm từ mẩu đường, hạt muối hay nhánh tóp mỡ. Nhớ đến những bạn tù còn đang khốn khó trong các trại giam lòng cảm chua xót và ngồi thù ra! Mùi cá hấp và chim bồ câu quay hương bay lên thơm phức, nhưng chàng chẳng còn thiết tha ăn.

Cậu Tú ăn uống rất tự nhiên như một nhà sành điệu, không biểu hiệu ngỡ ngàng gì. Rượu đã mềm môi cậu vẫn uống, cậu có vẻ rất háo rượu! Từ lúc rời nhà đến giờ mới thấy nét mặt cậu tươi, môi nhòe nụ cười. Cậu gật gù mở miệng khen rượu ngon. Cả bọn đồng ồ lên!

-*“Rượu Mỹ đấy cậu!”*

Cậu Tú chẳng nói gì, nét mặt phẳng lì, vươn vai thò tay cầm chai rượu tự động rót cho mình rồi nâng ly nốc cạn. Ánh đèn vàng vọt của nhà hàng tỏa ra ấm cúng, những chiếc bàn đầy khách thường xa nhau như giữ một khoảng cách, chắc họ sợ người khác nghe chuyện của mình. Người mặc chiếc áo xanh đã cũ ngồi cạnh cậu Tú là

Dũng trắng, gốc “rau giá,” nó tốt nghiệp cử nhân Văn Khoa làm báo chí được vài năm, đổi nghề khi miền Nam đứt phim. Bỏ nó ngày trước là một trí thức theo Mặt Trận Giải Phóng bị chết trên Trường Sơn, bạn bè ai cũng biết nhưng tình cảm đôi với nó vẫn đậm đà thắm thiết, chẳng có gì ảnh hưởng với chung quanh. Nó được hoãn dịch vì lý do gia cảnh mẹ già con một, nay đang làm công nhân sở vật tư nên rất dư giả. Bỗng cao hứng nói:

-*“Bao mùa Noel rồi chúng mình không có dịp đón réveillon chung. Noel này mình gặp nhau chung vui đi?”*

Phong râu, gốc “Hố Nai” ngồi đối diện với cậu Tú, học ở Luật, tốt nghiệp cùng năm với Dũng. Ngày trước nó được hoãn dịch vì lý do sức khỏe diện “con ông cháu cha” bố và ông nó đều chết trong tù CS, nay đang làm ở sở thương nghiệp cũng khăm khá. Nó toe toét cười nói:

-*“Chúng ta sẽ cùng nâng cốc rượu đón mừng Chúa giáng sinh. Hồng ân Thiên Chúa sẽ mang hạnh phúc đến với gia đình chúng ta.”*

Cậu Tú bỗng dần ly rượu xuống phán một câu chóc lừa :

-*“Chẳng có Chúa Phật gì cả! Chỉ có Bác thôi.. Bác mới có khả năng đem hạnh phúc no ấm đến toàn dân.”*

Dũng trắng đáp liền :

-*“Chẳng có Bác biếc gì cả! Chỉ có đờ la Mỹ là no ấm thôi. »*

Cậu Tú dùng dùng nổi giận đứng phắc dậy, khoa chân múa tay trợn mắt nói:

-*«Chúng mày tưởng các ông chiến thắng tạm bợ hả ? Đùng có hòng... liệu cái hồn đấy!»*

Đám bạn Đăng biến sắc về sự có bất thường này chưa biết phải phản ứng ra sao!

Cậu định nói nữa thì thằng bạn ngồi cạnh Đăng là giáo viên cấp ba ngày trước, thuộc loại thầy giỏi, nay bị hạ xuống cấp hai. Nó gốc xứ Quảng, được mệnh danh là kẻ ít nói! Lê Khang đứng phắc dậy kê tai cậu nói nhỏ. Chẳng biết nó nói gì mà cậu Tú xiù như trái bóng và từ từ ngồi xuống. Một đứa vội tiến ra quây tính tiền, những đứa còn lại điệu cậu ra xe.

Thật hú hồn! May mà chẳng ai nghe được những điều cậu nói, nếu không thì cả đám tù mút mùa!

Lên xe cậu Tú nhũn người ra, ngoẹo đầu vào thành xe ngủ một giấc đến nhà. Bước chân xuống xe cậu lại tỉnh queo! Tiễn bạn về, ra xe Đăng hỏi thằng bạn xứ Quảng:

-«*Lê Khang! Mà nói gì mà ông cậu tao xò thế? ... Xuýt tí nữa là chúng mình đi tù cả đám!*»

Lê Khang cười khoái trá nói :

-«*Tao nói phét cậu mày sợ!*»

Cả đám trở mắt nhìn nó. Nó vỗ vai Đăng cười nói tiếp :

-«*Tao cũng sợ toát mồ hôi... nhưng bỗng dưng tao phọt được một câu mà tao mang máng đọc được ở đâu nên nói bừa: “Tôi là người của sở bảo vệ chính trị được lệnh theo dõi cậu trong thời gian ở trong Nam... thế là ông xò xuống.»*

Cả bọn cười rũ lên khoái trá, một cán bộ gộc mà sợ một câu hù vu vơ của thằng công nhân viên quèn, thế mới biết chế độ CS kiểm soát lẫn nhau quả khiếp thật! Khi đám bạn đi khuất rồi, Đăng quay vào nhà kể cho mẹ nghe, bà tức giận mắng cậu như tát nước! Cậu Tú mếu máo khóc và phân trần, hai chị em cùng khóc! Riêng Đăng chưa hả giận, chàng nghi là cậu muốn hại mình. Vốn sẵn bất đồng vì chứng kiến, nay sự việc càng trầm trọng hơn khiến chàng

quên hẳn tình cậu cháu, một ý nghĩ cực ác lóe trong đầu, Đăng hành xử như kẻ mộng du, xông xộc vào phòng xách mấy chai rượu mạnh mà mẹ chàng dùng để điều dóm đám công an phường. Bà thấy Đăng mang nhiều rượu ra định cản vì không sợ cậu Tú uống nhiều hại đến sức khỏe, nhưng bà lại muốn hai cậu cháu có dịp ngồi với nhau để xả bớt sự căng thẳng bấy lâu và nhất là chuyện mới đây. Bà dặn:

-«*Cậu con già rồi, cho cậu uống ít chút... Để cậu ngủ, sáng mai lại sức tha hồ uống.»*

Đăng vâng dạ cho qua và tiếp tục làm theo kế hoạch. Chàng khui chai Whisky, khui thêm chai Martel Rémi, mùi rượu thơm phức! Chàng thường nghe bạn bè nói rượu pha hai ba thứ rất dễ say. Đưa hai chai rượu lên xoay xoay soi trong ánh điện, như tìm cái chất tinh khiết trong rượu, chàng muốn khêu gợi cơn say trong cậu. Mắt cậu Tú sáng quắc... Thế là Đăng đã chài được cậu! Những thời đá trong ly rượu lóng lánh như kim cương đang mời gọi, màu rượu làm tăng độ óng ả thơm như hương môi thiếu nữ tuổi giẫy thì. Cậu bạn này sang ly khác. Mặt cậu Tú trông giống những tấm bia hình tượng trong những bãi tập bắn ở quân trường, khuôn mặt sáng sủa của cậu bắt đầu chảy ra, môi tái, run lên bần bật. Ly rượu trên tay cậu sóng sánh, chao đi chao lại làm đổ, chàng được dịp rót thêm cho đầy. Cậu Tú bắt đầu nhũn ra, người rút lại, cậu bỗng thều thào lè nhè kể lại chuyện gia đình năm xưa, những điều Đăng không hề biết. Giọng cậu buồn như tiếng võng giữa trưa hè, lòng Đăng chột bùi ngủi xót xa như lọt vào một câu chuyện buồn cổ tích! Chàng thấy hối hận về những ý nghĩ điên rồ của mình và bừng tỉnh, mồ hôi toát ra như tắm. Chàng cầm ly rượu của

cậu uống cạn, rượu xông lên tận óc, cháy rụi cả lồng ngực. Đây là lần đầu tiên trong đời chàng uống rượu, uống mừng vì vừa thoát một tội ác. Nếu sự việc xảy ra cậu Tú chết vì uống quá nhiều rượu do trúng gió, thì lương tâm chàng cũng sẽ không bao giờ được yên ổn, suốt đời bị dằn vặt! Đấng bành hoằng thầm nghĩ: *«Chàng ghê tởm chủ thuyết CS chứ đâu thù ghét con người. Cậu Tú chỉ là nạn nhân, kẻ mê sáng chủ nghĩa... Xuyết nữa chàng đánh mất mình!»*

Đấng thu vôi mấy chai rượu cất xuống gầm bàn, cậu Tú định giựt lại nhưng không được. Cậu ngoe nguẩy trong tiếng nắc cục và thều thào :

«Rượu ngon lắm, cậu còn uống được mà... để cho cậu uống.»

Chàng vói tay tắt chiếc quạt đứng cạnh đó đang xoay hết tốc độ, sợ cậu bị nhiễm lạnh, dù trời đang oi bức. Cậu Tú lại khêu khào định nói với Đấng điều gì nhưng chẳng nghe rõ, rồi cậu rũ ra ghé ngủ. Trong men rượu chộp chờn hình như cậu có hai con người: *«Con người hiện tại là con người CS đây rầy những ham muốn nhưng biết che nắp dưới nhãn hiệu «yêu nước». Cái não trạng của cậu đã chứa đầy tính đảng nên chỉ biết vâng lời và sẵn sàng hy sinh dân thân vào tội ác dù biết bị lừa dối! Còn con người thứ hai là con người mang thuần tính người, biết lý lẽ của con tim nhưng phải nhẫn nhục để tồn tại. Hai thực thể ấy mâu thuẫn nhưng luôn hiện hữu và dẫn dắt nhau.»*

Đấng sát lại gần cậu, lúc này chàng mới có dịp nhìn thật kỹ cậu và cảm thấy thương xót: Một thân hình tiều tụy còm cõi nào có khác gì tù nhân? *«Ôi bao nhiêu năm tận tụy với đảng nào cậu có được gì ngoài danh từ hào! Những nghiệt ngã đón đầu đã giáng*

ngay lên đầu cậu đến bố mẹ bị đảng đầu tổ cũng không dám mở miệng can ngăn hay than phiền. Chủ thuyết phi nhân đến thế mà vẫn trung thành, thật uống phí một đời!»

Đấng bế cậu vào giường, người cậu mềm như bún. Chàng ra tủ lấy hộp dầu con hổ vào cao gió khắp toàn thân cho cậu, chàng còn thức suốt đêm canh chừng cậu. Chưa hừng sáng đường phố Sài Gòn đã tấp nập, tiếng ồn ào của xe cộ lẫn tiếng người buồn bán nghe huyền ảo. Dù bị công an rượt đuổi cấm chợ ngăn đường nhưng không cản được dân, cấm chỗ này họ bày chỗ khác, vì miếng cơm manh áo họ đã bớt sợ hòng súng. Cậu Tú thức dậy nhìn thấy Đấng ngồi bên cạnh giường và đang quạt cho cậu. Bằng một giọng đầy xúc động :

«Con thức cả đêm không đi ngủ hả?»

Đây là lần đầu tiên từ hôm gặp mặt cậu buông lời triu mến như lời cha với con. Đấng mỉm cười thấy như vừa trút đi một gánh nặng.

Kể từ sáng hôm ấy những móng vuốt chủ nghĩa, những cùm gông cách mạng, những hãm huyền lý tưởng đều vụt bay. Nơi ấy chỉ còn lại tình gia đình sau bao năm nẫu nát. Cậu Tú trở lại nguyên hình với con người bằng xương thịt, máu mủ huyết thống. gương mặt rười rượi của cậu sáng hẳn lên, ánh mắt thoảng nét vui. Môi run run cậu hé mở cõi lòng: - *“Hai chị ạ! Đã từ lâu em đợi giây phút này để được bày tỏ nỗi lòng cùng các chị: Trong giai đoạn «cải cách ruộng đất» ông bà về thăm quê bị đội cải cách bắt ghép tội là địa chủ cường hào, có con theo thực dân, phản động nên bị đem đầu tổ. Mẹ buồn mà chết vì sự bạc bẽo, phản phúc của những người trong đội đầu tổ, họ đã từng được gia đình ta giúp trong lúc nghèo đói túng thiếu! Bố thì bị dày lên*

Thái Nguyên và bỏ xác trên đó! Những người thân còn lại ở Bắc chẳng ai dám hé môi can thiệp, hay một lời van xin giúp, có người còn cải tên đổi họ để tránh liên lụy!

Bá vừa khóc, hỏi:

«*Thế lúc đó cậu ở đâu ?*»

Cậu Tú mếu máo:

«*Hai chị ạ! Trong giai đoạn chỉnh lý, thanh trừng xảy ra khắp nơi ấy em bị đưa đi công tác xa, mãi Thanh Hóa!*»

Giọng cậu Tú ngập ngừng, đứt khúc buồn bã:

«*Em vì đã quá sợ cấp lãnh đạo đảng ghép tội liên hệ với gia đình phản động, nên đã hèn yếu khi hay tin bố mẹ bị bắt mà không cấp tốc trở về quê bảo lãnh... Thật đáng tội! Lúc đó em vẫn ngây thơ tin vào Đảng, cứ ngỡ nhà ta có nhiều người hy sinh ở chiến khu Việt Bắc thì họ không dám đầu tổ bố mẹ, nhưng đầu ngõ họ lại phui công khiến bố mẹ ra nông nổi ấy! Cũng vì chuyện đó em xin phục viên không những không được mà còn bị hạ tầng công tác! Xin hai chị cứ mắng nhiếc và lượng thứ cho em!*»

Mấy chị em nức nở chan hòa nước mắt.

Bà ngừng khóc nói :

-*“ Thôi em ạ, đảng nào bố mẹ cũng mất lâu rồi... nhắc lại chuyện cũ chỉ thêm buồn. Nhưng nếu chẳng làm sáng tỏ thì lòng các chị đây không yên. Hôm nay chị mới hiểu rõ nội tình, biết em cũng đau khổ thì sao các chị còn trách em được nữa.»*

Cậu Tú đứng lên tiến lại bàn thờ tổ có cả hình thờ ông bà ngoại mồm lâm râm khấn và thắp nén nhang.

Đảng trở mắt nhìn cậu, thì ra chủ thuyết CS không diệt được lòng tín ngưỡng ẩn trong cậu, bỗng chàng cảm thấy đời vui lên. Gia đình chàng đa tôn giáo: Mẹ Đảng đạo Phật, bà di lý chồng Công giáo nên theo

đạo, Đảng theo bên nội nên đạo Chúa, giờ Cậu Tú sau nhiều năm theo CS nhưng gốc vẫn đạo ông bà.

Sau khi thắp nhang cậu Tú quay về chỗ cũ tiếp tục nhắm rượu, cậu cũng mong Đảng thông cảm cho những thái độ quá quắt về định kiến đã trở thành một thói quen của người CS. Còn chàng lòng cũng đầy ắp nỗi của đứa cháu vẫn xem cậu là kẻ thù!

Bữa cơm trưa hôm đó thật ảm cúng như cơn mưa đã tạnh. Cậu ngâm nga trong cốc rượu, bùi ngùi kể cho gia đình nghe những đắng cay cơ cực mà cậu đã trải qua trên đất bắc. Ba chị em cùng khóc. Mẹ Đảng nói:

-*« Gia đình nghèo như thế sao cậu không viết thư xin? »*

Bá Đảng khóc bùi ngùi hỏi :

-*« Em là cán bộ mà khổ như thế sao không bỏ quách vào Nam từ năm bảy năm thì có đỡ hơn không? »*

Cậu ghen ngào :

-*« Rõ tội! Nếu biết sự tình như thế em đã theo các anh chị vào Nam hồi năm mười tư thì còn gì nói... Khốn thay... em lại ngỡ trong Nam bị kìm kẹp chắc phải khổ hơn ngoài Bắc nhiều! Chẳng thế hôm vào thăm hai chị và các cháu em có mua mấy cân đường, định mang vào biếu hai chị... nhưng vào đây, thấy nhà hai chị em xấu hổ quá... Do đó em đã nói láo cho đỡ thẹn! »*

Bá Đảng vẫn khóc, thộn thức nói:

-*« Chị em mà xấu hổ cái gì! Còn gặp được nhau là quý rồi! »*

Cậu Tú quay sang Đảng giọng trầm buồn:

-*« Bằng mọi giá con phải đi nước ngoài con ạ! Quê hương này sinh ra con nhưng không dưỡng được đâu!... Người ta chỉ tạm gác thù hận qua một bên, khi cần họ lại mang ra bêu xấu hoặc đổi chác! Những người như con khó sống chung được với*

họ!... Cũng chính vì các anh chị của cậu người theo Pháp kẻ theo Mỹ mà bao năm cậu chỉ là chiếc bóng trong đảng CS, họ dùng nhưng không tin! Họ cho cậu sống là may đấy con! Trong đảng mà trừ ếm nhau thì còn ác hơn loài thú dữ ! »

Bá nổi giận :

-« Chúng nó ác như như thế mà trời lại không tru diệt nó ! Thà chị chết trong Nam chứ không trở về Bắc! »

*

Paris, một hôm Đảng nhận được thư gia đình báo tin cậu Tú mất lòng chàng buồn rười rượi ! Trong thư có tấm ảnh chụp một căn nhà tranh xơ xác nằm bên bờ sông nơi vùng quê hẻo lánh. Nếu không có khung hình cậu trên cổ quan tài thì chẳng bao giờ Đảng dám nghĩ cậu Tú lại sống cơ cực như thế! Ôi cả đời cậu hy sinh cho một lý tưởng huyền hoặc những tưởng mang đến sự công bằng phúc lợi cho mọi người, nào ngờ ngay chính bản thân cậu sống trong cơ cực nghèo đói, bị chèn ép, đổ kị bởi chính tinh «đồng chí»! Từ ngày rời quê Đảng chưa lần trở lại, mẹ chàng vẫn ở lại vì muốn được chết trên quê hương, bà viết thư sang muốn chàng đừng về dù cho mai này bà có nhắm mắt cũng an tâm. Bà dặn dù ở bất cứ nơi đâu hãy nhớ mãi hình ảnh đất mẹ trong tim vì sông nào cũng đều chảy ra biển cả. Chàng thầm nghĩ: *«Nếu chẳng có những lời ru tha thiết ngọt ngào đầy man trá của chủ thuyết CS làm mê hoặc những kẻ mộng du, cùng với bao tham vọng của những kẻ hám quyền lực tạo cơ hội cho ngoại cường giành xé, thì quê mẹ đâu phải lâm than đổ nát, rạn vỡ tình người, và gia đình ngoại đâu phải ly tán!»*

Bóng chiều tắt, dòng sông Seine rục rờ muôn ánh điện với những chiếc du thuyền lộng lẫy ngược xuôi. Ngồi trên tàu điện

ngắm trở về nhà mà đầu chàng vẫn miên man hình ảnh đám du khách Việt Nam quần áo sang trọng hồi chiều, họ là những nhà «trữ bản đồ» trông thật béo tốt tươi tắn, chẳng bù cho những bà mẹ già còm cõi da bọc xương, một thời được vinh danh xếp vào loại gia đình liệt sĩ vì có con có chồng bỏ xác ở Trường Sơn. Những mái đầu bạc đó hiện đang sống trong cô đơn hiu quạnh nơi quê nhà, phải tất tả chạy gạo từng bữa để tự nuôi thân thì lấy tiền đâu du lịch? Huống chi những người dân đen thấp cổ bé miệng chắc còn khổ biết chừng nào?! Chàng nghe tin đất nước ngày nay đã thay đổi, phải thay đổi để có thể theo kịp các cường quốc Đông Nam Á và Á Châu thì đó là điều đáng mừng. Nhưng rất tiếc sự thay đổi đó chỉ là sự chuyển từ «cái xấu này sang cái xấu khác» khiến xã hội hôm nay càng tha hóa hơn! Đảng thẫn thờ về một mảng đời chợt đến của dĩ vãng.

*

Sáng nay trước hàng hiên nhà có chùm hoa vàng mới nở, cánh hoa mong manh trong nắng gọi khơi niềm nhớ. Chàng bỗng thương quê mẹ, mảnh đất còn nhiều dấu tàn phá chiến tranh, những vết hận thù mà thời gian chưa đủ xóa! Ở đó chàng đã mất quá nhiều, chỉ còn lại kỷ niệm. Tiếng chuông nhà thờ bên khu phố cổ vọng lại lảng lảng tâm hồn, xa xa những vầng mây trắng nổi đuôi nhau không biết về đâu cuối trời? Đảng chạnh nhớ đến những người thân và bằng hữu một thời lòng bỗng bùi ngùi. Một thoáng yên lặng cho những người thân, những người đã nằm xuống vì ý nghĩa tự do... và những linh hồn ly hương phiêu bạt./.

ĐỖ BÌNH (Paris)

CHO NGƯỜI MAI SAU

1
Đừng ngạc nhiên nghe Em,
Khi Anh gửi cho Em,
Những Vần Thơ đầy hoa lá,
Những Vần Thơ đầy gió trắng,
Những Vần Thơ nồng nàn âu yếm,
Những Vần Thơ xây mộng ảo Cung Hằng,

2
Nếu không viết những Vần Thơ
khi tim hồng lên tiếng hát
Anh sẽ chết khát
như một lữ hành lạc lõng
giữa biển cát bao la.

3
Nếu không viết những Vần Thơ
trong những ngày tháng tư vỡ lên tiếng
sóng
Anh sẽ chết trong tuyệt vọng.
như những người di tản,
gửi thân cho ngọn sóng bạc đầu,
trong một đêm không sao,
và trong một Đại Dương không đáy.

4
Có những thành phố Anh qua,
những khung trời rất xa Anh tới,
như một Port of Prince – Haiti
ngày trước, ngày sau đã đổi khác mất rồi.
Em thấy chưa em ơi?

5
Chuyện xưa in dấu cuộc đời,
viết câu thương nhớ,
cho người mai sau.

VIỆT BẰNG

(San Jose, CA)

Thiên thu

Em ra đi chiều biển xanh sóng vẫy,
Gió mùa sang làm tóc xõa tung bay.
Hoàng hôn buông biển loáng màu trắng ngà.
Nghiêng xuống em thành một giải ngân hà.
Ôm giấc mộng vượt ngàn khơi thăm thẳm.
Đời hân hoan vòng sinh tử lạnh căm!
Ôi đất hứa tình thế nhân mờ mịt !
Biển hải hùng làm hun hút tự do!
Hoa với sóng trời bày chi bảo tố ?
Bờ bên kia chỉ là cõi hư vô !
Biển gọi em theo bọt sóng xa mù.
Về bên đó tình ơi em thiên thu!

ĐỒ BÌNH

(Paris)

Thăm Huyền Không Sơn Tự

Huyền Không Sơn Tự giữa không gian
Giữa lá cây xanh giữa gió ngàn
Từng phiến đá sầu ngơ ngẩn đứng
Hoàng hôn êm ả, tiếng chuông vang.

Lòng trần rơi lại phía sau lưng
Thanh tịnh tâm an với núi rừng
Quên hết cuộc đời đầy khổ ải
Để hồn thanh thản với muôn trùng.

Kiều Anh

(Minneapolis, MN)

THI SĨ PHAN KHÂM

NGUYỄN LÂN

Trước khi gặp anh, tôi vẫn nghĩ văn nhân, thi sĩ là có vóc dáng thanh thanh, cao cao, gầy gầy như Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ, Đinh Hùng hoặc có mái tóc bông bông như Xuân Diệu của thập niên 40 nhưng tôi đã chứng hững thấy thi sĩ Phan Khâm khác hẳn thế! Anh rõ ra nòi võ tướng với đôi chân mày lưỡi mác đậm đen, xéch ngược, khuôn mặt phong sương, dẫn dỏi, khắc khổ, trông là lạ không như tôi tưởng tượng về các thi sĩ.



Thi Sĩ Phan Khâm

Ấy thế, thơ Phan Khâm lại thu hút người đọc. Anh làm nhiều thể điệu, từ thơ cổ, xương họa, thất ngôn bát cú đến những thể thơ mới điệu kỳ. Nhưng không như nhiều nhà thơ hiện tại, đọc lên nghe trúc trắc, thơ Phan Khâm có giai điệu nhịp nhàng, có âm thanh trầm bổng, rất thú vị cho những ai yêu thơ và biết đọc thơ. Cái đặc biệt của nhà thơ là chân chất, mộc mạc. Cái dễ thương của nhà thơ là đậm thắm hương quê. Dùng nhiều từ thoạt nhìn nghe kỳ kỳ nhưng càng đọc càng ngắm càng thấy những câu thơ – nhất là thơ tình tự – thật đáng yêu!

Thường thì tôi không thích thơ tự do vì nhiều nhà thơ muốn viết sao thì viết, đọc lên nghe lủng củng cứ như mình đang nhai sạn.

Thơ Phan Khâm không thế. Thi sĩ đã đặt bút viết những câu có âm vận, có tiết tấu thanh âm quyện vào nhau vừa chân thành vừa lãng

mạn. Đối với tôi, văn vẫn khác văn xuôi là thế. Không cần cầu kỳ dập theo khuôn sáo, âm luật thời xưa, nhưng phải có hồn, có nhạc tính trong thơ mới quyến rũ được khách yêu thơ, mới thấy được giai âm trầm bổng khi bình thơ những lúc trà dư tửu hậu.

Là thi sĩ nên Phan Khâm có những tư tưởng bình bông, phiêu lãng, mộng thực triền miên:

hoan đạo

Cấm em nhắc chuyện tình...”

Ấy vậy mà:

“Ta nhìn em điên đảo

Tay nắm vào vô minh

Em nhìn ta khờ khạo

.....

Tới ngã ba Thiên Đường

Chưa dứt được vấn vương

.....

Ở trong cung thiên thu

Bao giờ đưa nhau tới

Bao giờ còn ngóng đợi

Hình như và hình như

Áng mây hồng phiêu du”

Hay, nhưng sao mơ hồ thế. Lời thơ đẹp, xúc động và gợi cảm. Ý thơ thanh thoát mà

chan chứa ân tình. Thực và mộng như quyện vào nhau nhuần thấm ân sủng của đứa con ngoan đạo, của con người tâm thức... để đi vào phiêu du, lãng đãng như áng mây hồng trời...

Hơn thế nữa, thi nhân còn có tâm hồn thánh thiện, thủy chung. Xin hãy nghe tiếng lòng của chàng:

“... trên thế gian này

Trong vườn nào

Nếu có một loài sâu biết nói

Đang kêu gào cơn đói

Thì trái cây mộng chín sẽ không rơi

ở yên trên cành chung thủy chung đôi

Em ơi, xin nguyện một đời

cầu kinh thánh hóa giữa trời muôn sao”(Trên thế gian này)

Một bài thơ tỷ dụ là lạ. Những chuyện như là không tưởng vẫn có thể xảy ra. Làm sao biết được? Chỉ có Trời biết. Trời hoán chuyển mọi việc mà thôi. Đành cầu xin hồng ân của Trời.

Đọc đến mấy câu thơ dưới đây mới thấy ngất ngây say đắm mà chỉ có những ai đã từng yêu – mà yêu da diết – mới thấm, mới nào lòng:

“ Thương ngơ ngẩn,

Nhớ ngẩn ngơ.

Em ơi! Chử nghĩa bây giờ vô ngôn”

(Bụi bay)

Thật tuyệt! Tương tư đến mức độ này đúng là bậc thượng thừa! Chẳng còn chữ nào diễn tả được nỗi lòng đờn đau thương nhớ! Chắc thi sĩ đã có lần yêu dữ dội trong đời. Có thể mới rung cảm được người đọc.

Cái hay của Phan Khâm là anh giàu tưởng tượng và biết dùng những tính từ, trạng từ và ngay cả động từ biến thể phong phú

trong ngôn ngữ Việt để làm người đọc thú thích, say sưa. Trong bài “Chiếc lá cuối cùng” nhà thơ dẫn dắt người đọc từ hai chiếc lá không muốn rời nhau như đôi tình nhân miên viễn tâm hồn bên nhau. Vũ trụ như thế tràn đầy thương yêu. Đẹp thật!

“Hai chiếc lá đổ dành

Bỏ quên đi hờn giận

Hững hờ chưa muốn rời

Dan díu tựa lưng trời...”

Thi sĩ ưa tượng hình một cách linh động để người xem thơ nhìn ra một quang cảnh khác, một quang cảnh nửa hư nửa thực, một quang cảnh rất gợi tình, tưởng như không tào bạo. Nhưng đọc lên sẽ làm độc giả liên tưởng tới những cảm xúc tột đỉnh, những khoái lạc thế gian. Khởi đầu rất nhu mì như đôi trẻ:

“Tôi đang đi kiếm ... lòng vòng

Tôi đang đi kiếm đất trồng cây si

.....

Tôi không đi kiếm... sao dành

Biết đâu em lại đổ dành... kiếm đi

(Tôi đang đi kiếm)

Dễ thương biết mấy cái trò chơi ú tim của đôi người trẻ tuổi này! Dễ thương biết mấy cái văn tài chất phác của Phan Khâm!

Nhà thơ đã hưng phấn óc tưởng tượng của người đọc một cách tự nhiên như trong bài “Chiều mưa bong bóng”. Một bài thơ đầy nhạc tính. Chỉ mô tả bong bóng nước mưa thôi mà đọc lên với hàng ngàn bong bóng nhấp nhô, vòng vo, tình tự, dây dưa làm khách yêu thơ liên tưởng tới sự phập phồng của cặp nhũ hoa con gái!

“ Chiều mưa bong bóng

.....

Mắc vào dây dưa

.....

Mắc vào tương tư
.....
Bên bờ du dương
.....
Bong bóng... nhấp nhô”

Tới bài thơ “Lên” quả thật đã kích động óc tò mò của người đọc để cùng tác giả nghĩ tới những cái sống động sôi nổi nhất của ái tình. Thi nhân đã khéo léo nhân cách hóa, biết đập vào thị hiếu của độc giả với những hình tượng, màu sắc của núi mây, bướm hoa tình tự:

“Nâng lên tròn trịa xuân thì
Nhón lên gót mỏng cực kỳ khít khao
.....
Lâng lâng lên giữa đường vào bướm hoa
.....
Kéo lên em cứ xuýt xoa phong trần
Tình lên quanh đỉnh phù vân...
Gió lên cuốn hết nợ nần giao thoa”

Ta thấy gì nhỉ?! Cái gì của tuyệt đỉnh say sưa? Có phải “giao thoa” không? Còn nữa, xin cùng tôi đọc mấy câu thơ thật bóng bẩy, trầu tượng, gợi hình, gợi cảm này:

“Chốn này
Tôi thấy rất quen
Quen hơi, quen cả những đêm lạ lòng
Nhấn theo tà áo mưa phùn
Tới trong chân tóc tưởng vùng cỏ khô”

Làm người đọc thấy “vùng cấm địa” của người yêu. Ghê thật!

Nhưng không hẳn chỉ có gợi cảm gợi tình. Thơ tình Phan Khâm vẫn có cái nhu thuận, hiền hậu của những ai chỉ thích mối tình lãng mạn trong trắng lồng trong khung cảnh thơ mộng. Xin hãy đọc:

“...Suối tóc em dài như suối mơ

Xuân xanh mộng寐 cả đôi bờ
Đôi bờ mộng寐 đêm huyền diệu
Huyền diệu từng chân tóc kẽ tơ...”
(Hẹn hò kiếp khác ở phương đông)

Mặc dầu thi sĩ làm nhiều thể điệu, nhưng không thể không nhắc đến thi tài “cổ” của Phan Khâm với thể thơ Đường luật. Nói đến thơ Đường luật phải nhắc tới thể thất ngôn bát cú để xứng họa, bắt buộc phải có âm, có vần bằng trắc theo qui luật, thi sĩ đã chứng tỏ sở học của mình, có nghiên cứu tường tận với âm luật rất chính mà hơi thơ vẫn chau chuốt, nhẹ nhàng. Chắc chắn các bậc tiền bối không thể chê trách thơ Đường luật của anh. Thi sĩ biết dùng từ, biết gieo vần, đã làm quen với thơ Đường, đã xứng họa ngang tay các bạn thơ như Hồ Công Tâm, Cao Mỹ Nhân, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phùng Trần, Lê Chí Phong, Tân Anh, Lý Hiếu... Bài xứng họa nào cũng chứng tỏ thi sĩ không lạ gì thơ Đường, chơi chữ điệu nghệ, đối âm, lập tiết điệu phong phú (như những bài xứng họa Khởi Thủy Thương Nguồn/ Bên Dòng Thạch Hãn, Cảnh Đồng Quê/ Vãn Một Lòng, Trăng Tàn/ Ánh Trăng Suông, Tình Thu/ Tiếc Thu, Đêm Trăng Ngang Thiếu Thất/ Trăng Khuyết Mái Hiên Tây, Những Chiều Đông/ Không Ngủ). Xin đơn cử hai bài thơ xứng, họa dưới đây để quý độc giả thưởng thức tài thơ cổ của Phan Khâm.

Trăng Tàn - Xứng
Với bóng trăng tàn, uống rượu suông
Cạn thêm chén nữa chẳng vui buồn
Đường vang kèn đệm màn hoan lạc
Phố vắng đàn rung nhạc loạn cuồng
Xác đã liệm cùng cơn bão dậy
Hồn còn hoài niệm biển mưa tuôn

Đêm mai đời cũng không gì lạ
Với bóng trăng tàn uống rượu sông
(Lý Hiếu)

Ánh Trăng Sông – Họa
Bên cầu tức tưởi ánh trăng sông
Sóng vỗ lao xao tuổi đá buồn
Ôm mở hành trang chờ lặn lội
Gom từng kỷ niệm nhớ quay cuồng
Linh hồn lửa thắp: trầm hương đốt
Thân xác kinh cầu: mạch nước tuôn
Ngựa hí gót mòn u uẩn khúc
Bên cầu tức tưởi ánh trăng sông
(Phan Khâm)

Thi sĩ gốc miền Trung nên anh tả cô gái Huế
trong bối cảnh cố đô rất... Huế. Nét đặc thù
có một trên đất nước Việt ta”:

“ Cho xin chút Huế đi O
Chút mưa rả rích bay vô nội thành
.....
Chút hương sen hồ Tịnh Tâm
Chút ăn chút nói thâm trầm cố đô
.....
Chút nào vương vấn điệu hò Nam Ai
Chút hồn áo tím liêu trai
Mái tóc thể xõa ngang vai thuở nào...”

Cũng như đa số văn thi sĩ miền Trung -
Phan Khâm ca ngợi xứ sở của anh, cảnh cũng
như người - hơn những thi nhân miền khác?
Phải chăng là vùng đất “cây nên sỏi đá” đã
nung đúc tinh thần xứ sở?

Phan Khâm là một nhà thơ trong buổi giao
thời giữa cái mới và cũ, anh đã thử đủ loại để
nói lên cái tình, cái cảnh, các trạng huống xảy
ra quanh mình. Thế loại nào anh cũng có khả

năng, càng viết nhiều càng tiến bộ. Bên cạnh
đó, cách nhìn đời của nhà thơ rất bình thản,
yên ả. Anh chấp nhận tất cả những đắng cay
bùi ngọt trong cuộc đời. Điểm này thể hiện rõ
ràng trong bài “Yên ổn đợi chờ”. Nhân sinh
quan của thi sĩ là cứ để tâm lắng đọng trước
mọi sự việc. Chuyện gì cũng có thể xảy ra.
Chuyện gì rồi cũng qua đi. Cứ an bình chờ đợi.
Nó đến rồi nó đi. Một cách nhìn đời khôn
ngoan như những câu dưới đây:

“Cuộc đời con người, thế gian vũ trụ
Không biết có bao nhiêu mới gọi là thừa
Không biết có bao nhiêu mới cho là đủ
.....
Có những hồi chuông nghe trong hơi thở
Chuông gọi hồn hay đang gọi xác thân ai
.....
Cứ chờ nhau đầu muện màng sẽ đến
Xin hiểu cho nhau, yên ổn đợi chờ “.

Thơ văn thể hiện tâm hồn con người
sáng tạo ra nó. Phan Khâm là nhà thơ có óc
quan sát, giàu trí tưởng tượng, biết lôi cuốn
độc giả theo dõi thơ của anh một cách thích
thú. Anh không cầu kỳ dù có vài chữ bóng
bẩy. Anh là con người mộc mạc nhưng đa
tình. **Đây Đó Nghĩa Tình** cho tôi thấy anh
yêu đời, biết cảm nhận tha thiết những ân
sủng Trời ban. Thơ anh đôi lúc có mong ước
thoát khổ đau, có trăn trở khắc khoải nhưng
anh không bị những cái đó dẫn dắt, cấu xé.
Theo thiển nghĩ, nhà thơ Phan Khâm nằm
trong vùng ánh sáng, nằm trong chân trời
hồng của thế gian này.

NGUYỄN LÂN
(Virginia)

Chúc Mừng



Ngày 24 Tháng 7 năm 2010, Nhà Thờ Phan Khâm và Phu Nhân Phi Hồng
đã làm lễ thành hôn cho Thứ Nam là

Phan Đình Tuấn Khanh cùng **Chu Thị Mỹ Thục**

Ái Nữ Ông Bà Chu Văn Phương và Đặng Thị Nga.

Xin chia vui cùng hai họ và chúc Tân Lang và Tân Giai Nhân trăm năm sắt cầm hòa hợp.

TOÀN BAN BIÊN TẬP TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Tứ Bất Tận - Tứ Bất Năng

Nguyễn Thùy

Cách đây lâu lắm rồi, những trên 40 năm, người viết đôi khi lui tới **‘Đàm Trường Viễn Kiến’** của nhà Học giả Nguyễn Đức Quỳnh. Ông vốn thuộc nhóm Hàn Thuyên, khuynh hướng Đệ Tứ Quốc Tế với Lương Đức Thiệp, Trương Tửu,... Nhưng khi vào Nam, ông ‘giả từ’ Mác, Lê, Trốt-Kít và trở về với khuynh hướng Quốc Gia, Dân Tộc. Mến mộ ông về phong cách xuề xoà, giản dị, nói năng ôn tồn, luôn luôn tương nhượng, khoan hoà cùng trọng nể ông về kiến thức, nhiều người thường đến nhà ông (nơi con hẻm đường Phan Thanh Giản, nay là đường gì, tôi không biết, cách ngôi chùa nhỏ Từ Quang của Thượng Tọa Thích Tâm Châu chừng mười mét) hàn huyên, tâm tình, trao đổi ý kiến về mọi vấn đề từ Chính trị, Kinh tế, Thơ Văn, Học thuật, thời sự, nhất là những người viết lách và một số Văn Nghệ sĩ như Nhạc Sĩ Phạm Duy, Nhà Thơ Trần Dạ Từ, Luật Sư Nghiêm Xuân Hồng, Luật Sư Nguyễn Hữu Thống, và hình như cả Bác sĩ Trần Ngọc Ninh và nhiều nhân vật khác nữa, phần lớn là người Bắc. Kể cả những người trẻ, dù miền Nam, miền Trung, nghe tiếng ông chứ ông không quen biết, ông cũng niềm nở tiếp đón. Do đó nên có người gọi căn nhà ông là **‘Đàm Trường Viễn Kiến’**. Những buổi gặp gỡ như thế, thường chỉ có uống trà và đàm đạo vì cuộc sống của gia đình ông cũng eo hẹp lắm.

Một lần, người viết nghe ông nhắc đến lời người xưa về **‘Tam Bất Năng, Tam Bất Tận’**. người viết ghi nhớ điều đó. Sau 1975, sống dưới chế độ Cộng sản, chứng kiến những gì Cộng sản đã gây ra cho nước, cho dân, nhất là về Giáo dục, tất cả mọi tầng lớp nhân dân, ngay cả thiếu niên, nhi đồng cũng phải học thuộc nhuần nhuyễn lý thuyết Mác-Lê, nhất là tư tưởng, đạo đức của ‘Bác Hồ vĩ đại’, người viết thấy cái **‘Tam Bất Năng, Tam Bất Tận’** kia còn thiếu nên mạo muội thêm vào một cái Thứ Tư và đổi thành **‘Tứ Bất Năng, Tứ Bất Tận’** như sau :

a) **Tứ Bất Năng** : Bốn điều không nên, không thể làm :

-**Phú quý bất năng dâm** (hiểu đơn sơ là: giàu sang thì không được dâm ô, đàng điếm, phung phí, hưởng lạc trác táng, đồi trụy,...)

-**Bần tiện bất năng di** (dù nghèo nàn, khổ sở cũng giữ gìn nhân phẩm, giá trị con người, không được dời đổi, đánh mất nhân cách của mình, không được làm những gì trái đạo đức, luân thường,...)

-**Uy vũ bất năng khuất** (trước cường quyền, bạo lực, không khiếp nhược, hèn hạ, quỳ lụy, cầu xin để trở thành nô lệ cho kẻ ác)

-**Lý tưởng bất năng hoặc** (không bị mê hoặc bởi lý tưởng của ai như kẻ cuồng tín chủ nghĩa, cuồng tín tôn giáo. Cũng còn có nghĩa là không nên đem cái lý tưởng, cái ý kiến của mình để áp đặt, khống chế ai, bắt buộc phải tuân phục ý kiến mình, bài bác hết mọi ý kiến, lý lẽ nào trái với ý mình).

b) **Tứ Bất Tận**: Bốn điều không nên đẩy đến cùng cực :

-**Xử nhân bất tận tài** (đối xử với ai cũng không nên bóc lột hết tài sản, của cải, tiền bạc kẻ khác mà phải để cho họ có cái gì để sống)

-Xử nhân bất tận lực (đối xử với người, không nên bóc lột hết khả năng, sức lao động của họ, biến họ thành thứ lao nô suốt đời cúc cung tận tụy phục vụ mình)

-Xử nhân bất tận tình (đối xử với người, không nên bắt buộc ai phải hết lòng hết dạ, phải trung thành tuyệt đối với mình, không được thân thương, cảm tình với bất cứ ai, ngoài mình)

-Xử nhân bất tận lý (đối xử với ai, không được chỉ cho cái lý của mình là hoàn toàn đúng mà không nhìn nhận phần nào cái lý của họ. Điều này, Nguyễn Du đã bảo : *'Mà trong lẽ phải có người có ta'* (ĐTTT, câu 3114).

Ai đã từng sống dưới chế độ Cộng sản độc tài toàn trị, thấy ngay rằng Cộng sản hoàn toàn không để ý đến những lời trên. Cộng sản xóa ngay chữ **'Bất'** để chỉ còn **'Tứ Tận'** và **'Tứ Năng'** nên nước nát, nhà tan, dân đói nghèo, dốt nát. Nhân dân bị biến thành cỏ rác, ngựa trâu cho Cộng sản vũng bèn ngôi vị 'độc tài trị nước, độc quyền trị dân và độc tôn hưởng thụ'.

Nhưng, trở trêu thay, không riêng gì Cộng sản, bao nhiêu người Việt ty nạn Cộng sản nơi hải ngoại, luôn hô hào, kêu gọi đấu tranh cho Dân chủ, Tự do, cho Nhân quyền, Nhân phẩm, thế mà lại luôn sử dụng cái **'Tứ Tận, Tứ Năng'** để chỉ trích, công kích, xỉ vả, bôi nhọ nhau, nhiều khi bằng những ngôn từ vô cùng nặng nề, thô tục, cuồng bạo. Mà nào đâu phải hạng người thất học, toàn là những kẻ có học vị cao, có địa vị xã hội : tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ, giáo sư, nhà văn, nhà báo từng có tiếng, có tăm. Người viết có cảm tưởng hầu như

chúng ta đã và đang bị một chứng bệnh tâm thần kỳ quái, không moi móc chỉ trích, đả phá nhau thì 'ăn không ngon, ngủ không yên' được, phải thế chăng ?!. Gần đây nhất, vụ Cô Lê Thị Công Nhân mãn hạn tù được Công an Cộng sản trả lại nhà dù còn bị quản thúc ba năm, Cha Nguyễn Văn Lý được Cộng sản tạm ngừng giam giữ 12 tháng, cho Cha về với gia đình để chữa bệnh cũng được (hay bị) bao người bệnh và chống đến tận cùng triệt để. (Bài viết này không bàn đến việc 'bệnh' hay 'chống' hai nhân vật này, có thể trong một bài khác)

Nêu ra hai cái **'Tứ Bất Tận'** và **'Tứ Bất Năng'** như trên, người viết chỉ mong sao chúng ta -những người yêu nước, những người chống Cộng và đấu tranh cho Tự do, Dân chủ- dù có khác biệt nhau về thái độ, quan điểm, dù có không cùng một cái nhìn về vấn đề gì đó, thì cũng chịu khó dùng lời nhẹ nhàng, lịch sự, ôn tồn, khoan nhượng với nhau chứ đừng dùng lối phũ phàng đối xử với nhau nữa. Nếu có phải dùng đến cái lối 'hàng tôm hàng cá' thì, thiết nghĩ chỉ nên sử dụng đối với Cộng sản, lớp người cam tâm làm tôi tớ cho cường quyền phương Bắc, sẵn sàng bán nước buôn dân để giữ được cái ghế ngôi thống trị trên đầu cổ nhân dân. Chúng ta tự hào có bốn nghìn năm văn hiến, tự hào truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc mà chỉ một việc đơn sơ, bé nhỏ là dùng lời dịu dàng, nhỏ nhẹ, lịch sự, nhu hòa với nhau cũng không giữ được sao ?!!!

France, 21/03/2010

Nguyễn Thùy

WEEPING FOR THE TWIN TOWERS

Amongst sister skyscrapers and under the lofty blue sky of New York City
For so many years, Oh Twin Towers, you gracefully and happily stood
To serve as the wealth-trading center for the entire world on earth.
Suddenly, you an' over three M souls died by terrorist hands: fanatic & bloody.
Farewell, adieu, and rest in peace. Sweetheart! Sweely!

Thế Linh (Virginia)

CHÀO VĨNH BIỆT TWIN-TOWERS

(gửi về New York với tất cả tiếc thương)

Lửa cao ngất lưng trời, ôi lửa đỏ
Khói đen cuồn mù mịt, khói đen mây
Những tan nát sau kinh hoàng tiếng nổ
Bao ngàn người trong biển lửa vùi thây

Rằng phim ảnh hay là đây, sự thật
Mà hãi hùng hơn sức tưởng, hơn mơ?
Khi hoảng loạn, tiếng muôn người khóc ngất
Khi lệ rơi, mà trí vẫn còn ngờ!

Hỡi Thượng Đế, dương trần hay hoả ngục
Mà cuồn điên quỷ dữ nướng thiêu người!
Mà khoảnh khắc ngàn sinh linh ngã gục
Mà đắm chìm trong biển lửa đây voi!!!

Khấp thế giới đang bàng hoàng rung động
Giận cho loài uống máu chẳng hề tanh
Thì bóng tối, có tiếng cười ác độc

Vỡ tay reo trên xương thịt tan tành!
Hỡi ác quỷ, bàn tay mi hiệu sát
Bao ngàn người vô tội chết tang thương
Niềm hạnh phúc, mộng tương lai xanh ngát
Bỗng vì mi mà tức tưởi đau buồn!

Ta đứng đó, bên bờ sông, mắt ướt
Nhìn khói bay, lửa rực giữa hung tàn
Ôi, giá phải, thân ta tan thành nước
Trả ơn người, và níu lại kỳ quan

Ôi danh tích của một thời hoa lệ
Đang vụn mình trong ngọn lửa phi nhân
Đang nhắc nhở người năm châu bốn bể
Cảnh giác cao, loài khát máu, hung thần

Chào vĩnh biệt... nghe đau hồn lữ thứ
Twin - Towers hình ảnh đã thân thương
Trong tình cảm của ta, người viễn xứ
Đến nơi này nương nấu, nhận Quê hương!

NGÔ MINH HẰNG

11.9.2001

FAREWELL FOR EVER, TWIN TOWERS!

To New York with all my regret

The flames are blazing up in mid-air, oh flare-ups!
The obscure, furious smokes are blackening the clouds.

The ruins left after the dreadful explosions:
Thousands of bodies buried in the fire that enshrouds.

Is this a fiction movie or the very truth that has been
More terrible than in one's imagination or dream?
In panic the crowds are weeping, crying, screaming;
Tears have fallen but minds still doubt the scheme.

Oh God! Is this mankind's globe or hell
Where ferocious fiends are fiercely roasting souls,
And in an instant thousands of humans slumped down
And sank into such a full sea of live coals!

The whole world is astounded by the horrid cruelty,
Boiling mad at the blood-thirsty bands,
While in the dark, beyond the burnt flesh and bones,

The wicked wildly cheer and clap their hands!
Devils! With your mass destruction instruments
Thousands of people have lost thousands of their kin!
Their happiness, their aspiration for a fulgent future
Suddenly have got into pangs because of your sin!

There I stand, on the riverside, with wet eyes
Looking at the seething inferno of smoke-and-flame:
Oh, how I wish, even though smashed to smithereens,
I could show gratitude, save the wonder and its fame!

Oh, the splendid symbol of prosperity in a bright time
Is writhing and collapsing in the inhuman conflagration
And reminding all citizens all over the planet
To be always on guard against any evil machination.

Farewell for ever! I feel pain in my exile pneuma;
Twin Towers, the so much dear and beloved sign,
Will remain in my sentiments -- Since an immigrant
From afar, I have embraced this new Country as mine.

Translation by

THANH-THANH LÊ XUÂN NHUẬN

VĂN THƠ TRỮ TÌNH

Lê Thương

Văn thơ có tình mới hay, thiếu tình văn thơ trở nên khô khan, vô vị. Ý tưởng mới mẻ, xác đáng, văn thơ bóng bảy, rục rờ mà thiếu tình vẫn không rung cảm được người đọc. Ta chỉ yêu những cây bút, những vần thơ gợi được nỗi vui, nỗi buồn của tâm hồn ta.

Văn thơ trữ tình, trước hết nó ôm ấp nội tâm của tác giả, nào những vui buồn, chán chường, khổ đau, thất vọng... mà trong các thứ tình, tình duyên ái giữa nam nữ được chọn làm đề tài nhiều hơn cả và đề tài này đã làm rung động không biết bao nhiêu trái tim của nhân loại. Văn thơ trữ tình là khúc ngâm từ đáy lòng đang thôn thức mãnh liệt qua những ngòi bút mang nhiều tâm hồn lãng mạn. Thật vậy, văn thi sĩ vốn là những người mang tâm hồn đa sầu, đa cảm, đa tình, lãng mạn cho nên tình cảm của họ chứa chan, dạt dào, tâm hồn họ dễ rung động như dây tơ trên phím đàn. Họ vẩy nước mắt ra mài mực để viết lên những tiếng uất nghẹn từ đáy con tim mà mỗi chữ là một tiếng thở dài, mỗi câu là một dòng lệ (*Cho tôi ép nốt dòng dư lệ. Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên*. T.T.KH trong “Bài Thơ Thứ Nhất”).

Trong kho tàng thi ca hiện đại của ta cũng đã chứa rất nhiều thơ trữ tình, điều này dễ hiểu bởi loại thơ trữ tình thường rung cảm tâm hồn người đọc. Thanh niên nam nữ đang yêu nhau, các ông, các bà với những kỷ niệm tình yêu háo hức, rạo rục

của thời niên thiếu còn lắng đọng trong đáy lòng nên thích đọc loại thơ này vì nó phản ánh tâm trạng vui, buồn, khổ, đau, thất vọng, chán chường của chính mình. Qua những năm tháng thần tiên của thời cấp sách, rồi từ già ghé nhà trường để bước vào trường đời, mấy ai trong chúng ta không còn vương vấn trong lòng một chút tình yêu của tuổi học trò mà mái trường và những hàng phượng vĩ nơi sân trường đã từng là chứng nhân của những mối tình đẹp tựa bài thơ, đẹp như đêm trăng huyền ảo, đồng thời cũng là nhân chứng của những oan khổ vì tình, vì tình mà tâm hồn điên đảo, vì tình mà áo não tâm can (*Người đi một nửa hồn tôi mất. Một nửa hồn kia bỗng đại khờ* – Hàn Mặc Tử).

Thêm vào đó, các nhà thơ tiền chiến của ta thi nhau làm thơ ca tụng tình yêu quá hay nên các thế hệ đàn em cứ thế tiếp tục đầu tư con tim vào việc ca tụng tình yêu. Tâm trạng của các thi sĩ trữ tình thời tiền chiến là tâm trạng chung của thanh niên nam nữ thời đó, họ buồn vợ vắng, nhớ vu vợ, chẳng làm sao cả cũng than khổ, không ai đánh cũng than đau. Đây là cái thời lãng mạn nhất của thanh niên Việt Nam, họ sống trong mộng tình và chết vì tình mộng. Đó là cái thời đã đóng góp cho nên thi ca Việt Nam những bài thơ trữ tình tuyệt tác nhất. Một số bài thơ trữ tình thời tiền chiến đã được phổ nhạc, những bản nhạc này được gọi là “nhạc tiền chiến” và cho đến ngày nay (năm 2010) những bản nhạc tiền chiến trữ tình vẫn còn được một số lớn khán thính giả mến mộ. Đông Hồ, Tương Phố, Nguyễn

Bính, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng...v...v... đều làm thơ khóc than, thương nhớ người yêu. Kể thì kín đáo như T.T.KH trong “Hai Sắc Hoa Ti-Gôn” hoặc lái nhái như J. Leiba trong “Năm Qua” hay nhí nhảnh như Nguyễn Xuân Huy trong “Giận Nhau”, rồi lẫn thẩn như Nguyễn Bính trong “Người Hàng Xóm”, khùng khùng như Lưu Trọng Lư trong “Tình Điền”. Ôi thôi, đủ các giọng mà đều là những giọng trữ tình gọi cảm.

Đây, xin nghe những giọng trữ tình của các nhà thơ tiền chiến:

Cách đây không lâu, có chàng thi sĩ tò mò muốn tìm hiểu tình yêu trai gái của người xưa như thế nào, có giống như tình yêu của mình ngày nay không?

*Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ,
Có phải như mình lưu luyến chẳng?*
Huyền Kiêu (Trương Dạ Biệt)

Khôn nổi, Huyền Kiêu chỉ có ý định tìm hiểu tình yêu của người đời xưa để rồi tự mang nghiệp chướng của thi nhân. Nghiệp chướng của thi nhân là yêu thơ và yêu những cái đẹp. Thật vậy, ta chưa thấy một nhà thơ nào làm thơ để ca tụng một đối tượng không đẹp bao giờ. Đối tượng của nhà thơ có thể là một cô hàng xóm, một cô bạn học cùng trường, một thôn nữ làng bên, một cô lái đò, một cô hàng nước, một cô gái có duyên vừa quen trên chuyến xe lam, một thiếu phụ đài các... nhưng chắc chắn một điều là đối tượng của nhà thơ xinh đẹp, mỹ miều.

Cho nên nàng của Thảm Thệ Hà thì mơ mộng, u hoài:

*Mái tóc em buông lơ lửng gió thoảng,
Làn môi xinh mím chặt, mắt u hoài.
Ta cứ ngỡ em là nàng Ngọc Nữ,*

*Lạc đường trần để thăm nhớ thương ai.
(Khỏe Mắt U Hoài)*

Trong các nét đẹp của đối tượng, một số thi nhân thích cặp mắt của giai nhân vì nhà thơ đòi hỏi đối tượng của mình không chỉ đẹp thôi mà còn phải có hồn nữa. Vì “đôi mắt là cửa sổ của linh hồn” nên đối với Lưu Trọng Lư thì:

*Mắt em là một giòng sông,
Thuyền ta bơi lặn trong giòng mắt em,
(Trăng Lên)*

Còn Đinh Hùng thì mê cặp mắt của giai nhân một cách gián tiếp:

*Tương bóng hồ như bóng mắt xanh,
Ta bắt cầu hoa làm thủy tạ,
Mỗi chiều ngồi ngắm mắt em trong.
(Sóng Tây Hồ)*

Các thi sĩ lãng mạn chứa đầy trong tim những vắn thơ trữ tình thì thử hỏi ai mà không thích cái giọng lãng mạn lả lơi đầy truyền cảm của Xuân Diệu:

*Là thi sĩ nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây.
Để tâm hồn ràng buộc bởi muôn dây.
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.*

*Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Mà vạn vật là muôn đá nam châm;
Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ lả?
(Cảm Xúc)*

Và còn gì thơ mộng, lãng mạn cho bằng đứng nhìn trộm cô láng giềng đang hong tóc bên cửa sổ để lòng mình rộn rã một ước mơ:

*Trời đẹp như trời mới sáng gương,
Chim ca tiếng hát rộn ven đường.
Có ai bên cửa ngói hong tóc,*

Cho chảy lan thành một suối hương.

*Giữa một giờ thiêng tình rất đẹp,
Mắt buồn và rất... rất thanh thanh.
Mày ai bán nguyệt, người ai nhỏ,
Em ạ, yêu nhau chết cũng đành!
Hồ Dzếnh (Xuân Ý)*

Ở trên Hồ Dzếnh nhìn trộm cô lảng giềng hong tóc bên song cửa để rồi mơ ước “yêu nhau chết cũng đành” còn Nguyễn Bình thì mang mối tình lẩn thẩn với “Người Hàng Xóm”, lẩn thẩn nhưng cũng rất ư là lãng mạn:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái đậu mồng toi xanh rờn.
Hai người sống giữa cô đơn,
Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi.
.....
Cái gì như thế nhớ mong,
Nhớ nàng? Không! Quyết là không nhớ nàng.
Vàng, từ ân ái lỡ làng.
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.
Tâm tâm trời cứ đổ mưa,
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm.
Cô đơn buồn lại thêm buồn,
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?
Đêm qua nàng đã chết rồi,
Nghe ngào tôi khóc...Quả tôi yêu nàng!*

Mái trường đã từng là chứng nhân của không biết bao nhiêu mối tình thơ mộng thời tuổi học trò. Đây, xin hãy nghe tình yêu tuổi học trò qua nhà thơ Kiên Giang:

*Quen biết nhau qua tình lối xóm,
Cổng trường đôi điện gió lầu chuông.
Mỗi lần chúa nhật em xem lễ,
Anh học bài ôn trước cổng trường.
Thuở ấy anh hiền và nhát quá,
Nếp mình bên gác thánh lâu chuông.*

*Để nghe khe khẽ lời em nguyện,
Thơ thần chờ em trước thánh đường.
Sau mười năm lễ, anh thôi học,
Nức nở chuông trường buổi biệt ly.
Rộn rã từng hồi chuông xóm đạo,
Khi nàng áo tím bước vu quy.
(Hoa Trắng Thôi Cài Trên Áo Tím)*

Yêu để mà khổ hay “Yêu là chết ở trong lòng một ít. Vì mấy khi yêu mà lại được yêu.”. Khi sự khổ đau dâng trào đến cùng cực thì nhà thơ chỉ biết tâm sự với thiên nhiên, than thở cùng vạn vật nên nhà thơ van xin suối ngàn ngưng róc rách, năn nỉ chim muông thôi ca hát, cây lá rừng ngừng thì thầm để lắng nghe tiếng thôn thức của con tim mình:

*Rồi chàng đi ôm nỗi buồn chan chứa,
Mối thất tình dẫu dài với phong sương.
Hơn một lần chim lá ở bên đường,
Đã im lặng nghe tim chàng thôn thức.
Hồ Văn Hảo (Tiên Thê)*

Và khi tình yêu dang dở, người ta có quên tình duyên cũ, quên hình bóng người xưa nhưng
lối mòn trong tim nhỏ vẫn tìm ngõ ngách để nhớ thương:

*Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng,
Gác tình duyên cũ thẳng đường dong.
Song le hương khói yêu đương vẫn,
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.
Thế Lữ (Giây Phút Chạnh Lòng)*

Trên thi đàn Việt Nam có hai chàng thi sĩ thất tình làm thơ kêu gào tên người yêu ồn ào náo nhiệt trong thi văn, đó là nhà thơ Hàn Mặc Tử và thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Hàn tiên sinh thì:

Nghệ hỡi Nghệ muôn năm sâu thẳm,

*Nhớ thương còn một nắm xương thôi!
Thân tàn ma dại đi rồi,
Rầu rầu nước mắt, bời bời ruột gan.*

.....
*Dấu đau đón vì điều phụ rẫy,
Nhưng mà ta không lấy làm sầu.
Trăm năm vẫn một lòng yêu,
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi.
(Muôn Năm Sầu Thắm)*

Trong thời gian Hàn Mặc Tử làm việc ở Phan Thiết có người yêu là Mộng Cầm, tên thật là Huỳnh Thị Nghệ, Lâu Ông Hoàng ở đây đã ghi đậm nét yêu đương của hai người và mối tình này đã đi vào lịch sử âm nhạc Việt Nam. Nhưng khi Hàn Mặc Tử lâm bệnh nan y, Mộng Cầm bỏ đi lấy chồng, Hàn tiên sinh quá khổ đau làm nên bài “Muôn Năm Sầu Thắm” trên.

Còn Vũ thi sĩ cũng làm thơ nức nở kêu gào tên người yêu:

*Tố của Hoàng ơi, Tố của anh!
Tố của Hoàng nay Tố của ai?
Mười Hai Tháng Sáu (Ngày 12 tháng 6 là ngày người yêu của Vũ tiên sinh lên xe hoa)*

Khi nói đến sự khổ vì yêu, những người yêu thơ đều không khỏi bùi ngùi cho mối tình ngang trái của T.T.KH, những dòng thơ của nữ sĩ là những tiếng khóc thầm, giấu diếm trong đó một khối tình dang dở. Trong thơ văn và ngoài đời cũng vậy, tình càng kín đáo, càng tế nhị thì càng đẹp, càng hay. T.T.KH chỉ làm có bốn bài thơ mà những dòng thơ này đã rung động không biết bao nhiêu con tim người đọc. còn tên tuổi của nữ sĩ đã đi vào văn học sử cũng nhờ thứ tình kín đáo gây nên nhiều huyền thoại đó:

*Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai mang lại cánh hoa tim,*

*Cho tôi ép nốt dòng dư lệ,
Nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.
(Bài Thơ Thứ Nhất)*

Hay:
*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời,
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim một bóng người.
(Hai Sắc Hoa Ti-Gôn)*

Và rồi, nữ sĩ nhỏ từng giọt lệ để viết:
*Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi! Người ấy có buồn không?
Có thâm nghĩ đến loài hoa vỡ,
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng!
(Hai Sắc Hoa Ti-Gôn)*

Khi viết lên những dòng thơ này, nhất là hai tiếng kêu “Trời ơi!, có lẽ T.T.KH đã dứt từng đoạn ruột còn người đọc cũng thấy lòng quặn đau dùm cho nữ sĩ. Riêng những kẻ có cùng chung một tâm trạng với T.T.KH, nghĩa là đành cắn răng phụ người yêu đi lấy chồng mà “Vẫn giấu trong tim một bóng người” thì cũng thấy lòng mình thấm thía khôn tả.

Còn nữ sĩ Trương Phổ thì làm bài *Giọt Lệ Thu*” để khóc chồng. Bà Trương Phổ tên thật là Đỗ Thị Đàm, sinh năm 1896, mất năm 1973, tốt nghiệp Trường Nữ Sư Phạm Hà Nội và lập gia đình với một vị bác sĩ tên Thái Văn Du khi bà mới 18 tuổi còn bác sĩ Du mới ngoài 20. Đôi vợ chồng trẻ sống những ngày cực đẹp, tràn đầy hạnh phúc nhưng cuộc tình đẹp này lại quá ngắn ngủi, kết thúc bằng tử biệt khi bác sĩ Du mất vào năm 1920, lúc ấy ông mới có 30 tuổi. Nữ sĩ Trương Phổ lấy đề tài “*Giọt Lệ Thu*” để khóc chồng vì chồng bà và bà gặp nhau, yêu nhau vào mùa thu rồi sau đó chồng bà vĩnh viễn ra đi cũng vào mùa thu. Mối tình

của nữ sĩ Trương Phố chớm nở vào mùa thu lá rụng, còn cuộc tình của nữ sĩ T.T.KH cũng bắt nguồn từ mùa thu có lá vàng rơi, chất chứa cả một khối tình đầy những giọt lệ mùa thu (*Một mùa thu trước mỗi hoàng hôn. Nhật cánh hoa rơi chẳng thấy buồn – Hai Sắc Hoa Ti-Gôn của T.T.KH*). Đọc qua những vần thơ thu trong kho tàng văn học Việt Nam, ta chợt bắt gặp nỗi sầu riêng qua những thu khúc buồn nhất, thiết tha nhất... Các văn thi sĩ ta phong phú hóa đề tài mùa thu qua lá thu, rừng thu, gió thu, mây thu, trăng thu, mưa thu, trời thu, ý thu, hồn thu, tình thu, thu cảm, thu tâm, thu hận..., giờ đây ta lại bắt gặp “*Giọt Lệ Thu*” sầu thảm, buồn man mác. Thu ơi! Trời thu bằng lăng, mây thu lang thang, trăng thu mơ màng, gió thu nhẹ nhàng, sao nữ để duyên nàng dở dang, bẽ bàng?

Trương Phố sáng tác “*Giọt Lệ Thu*” vào năm 1923, là tác phẩm trữ tình kết hợp thơ với văn xuôi, một thứ văn xuôi có vần điệu giàu chất thơ, được viết lên từ đáy con tim của một nhà thơ nữ trẻ tuổi đa cảm mà trong đó chất chứa tiếng khóc, lời than và nước mắt của tác giả. “*Giọt Lệ Thu*” được đăng trên Nam Phong Tạp Chí của Phạm Quỳnh vào năm 1928 và đã có một thời khiến cho hàng triệu con tim thổn thức vì cùng hòa nhịp với thu cảm, thu tâm và thu hận...:

“Anh ơi, chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu. Nhưng lòng thu hẳn có như em, mà mây chiều vẫn dạ, gió mai lạnh lùng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thảm, mỗi lần lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thâm, sầu càng nặng.

Anh ơi, giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh mà năm năm lai láng...Than ôi, thu sang thu nào lòng người biết bao:

*Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vi lau san sát, hơi may lạnh lùng.
Ngón ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cánh họa cùng thu tâm...”*

Trương Phố là người tình chung thủy, cho tới mười năm sau vết thương lòng vẫn chưa hàn gắn, khi viết khúc “*Thu Hận*”:

*Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
Thu lại về, chẳng thấy chàng về.
Chàng ơi, đi chẳng trở về,
Thu về, thiếp những tê mê dạ sầu.
Làn mây nước biết đâu nhắn gửi,
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương.
Vi chàng chín khúc đoạn trường,
Vi chàng trăm mối sầu vương tháng ngày.
Thu xưa khóc, thu nay lại khóc,
Năm năm thu mặng khóc mà già.
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
Non buồn, nước lạnh cỏ hoa tiêu điều.
Nỗi ly hận mây chiều, gió sớm,
Tình tương tư khoảng vắng đêm trường.
Gió mưa tâm sự thê lương,
Chỉ kim ai và đoạn trường nhau đây!...*

Lời thơ tuyệt vọng, giọng nghẹn ngào triền miên đã đúc kết thành những tiếng ca sầu thảm mà khi đọc lên ai cũng cảm thấy lòng mình lâng lâng một nỗi buồn man mác...

Để kết luận, khi mà trái tim nhân loại còn rung lên những nhịp đập của tình yêu thì luôn luôn còn loại văn thơ trữ tình và luôn luôn người ta thích loại văn thơ tình cảm ướm át này.

Lê Thương

Richmond – Virginia

**Xin đọc và cổ động cho
TẬP SAN CỔ THƠM**

Lạc Vào Mộng Ảo

Đỗ Phú

Nhìn chồng và hai con tôi đang đào cát làm nhà trên bãi biển, từng căn nhà cát nhỏ đang được hình thành vuông vắn, gọn ghẽ, khéo léo, tôi cảm thấy một luồng hạnh phúc vô biên đang tràn ngập tâm hồn. Nghỉ hè năm nay, vợ chồng tôi hỏi các con muốn nghỉ hè ở đâu, cắm trại, du lịch hay đi nghỉ mát, tất cả đều muốn đi nghỉ mát ở một vùng biển. Chồng tôi đã chọn được một bãi biển đẹp và ít người tắm nằm trong khu Singer Island, West Palm Beach, thuộc Tiểu Bang Florida. Dọc bờ biển Florida, chỉ nguyên vùng W. Palm Beach đã có hàng chục công viên có bãi tắm đẹp, với những hàng thông, hàng cọ dài hàng dặm trông thật mát mắt. Bãi cát trắng xóa, mịn màng và người đến tắm thưa thớt. Vừa tới khách sạn là chúng tôi đi chợ mua trái cây những loại mới được giồng nhiều để phục vụ du khách Á Châu như xoài, bưởi, khế ngọt, ổi, nhãn, vải, mía... Chúng tôi mua nhiều và khệ nệ bê ra bãi biển thưởng thức, các cháu dù sanh và lớn lên ở Mỹ cũng thích trái cây nhiệt đới. Chúng tôi cảm nhận một cuộc sống đầy đủ vật chất và sung sướng về tinh thần, tận hưởng những gì mà chúng tôi đang có. Hai vợ chồng, hai công việc làm thoải mái vừa trong tầm tay, không bị áp lực nặng nề của việc làm và cuộc sống. Với đồng lương trên mức trung bình, chi tiêu có chừng mực nên lúc nào chúng tôi cũng có tiền để dành cho các con ăn học sau này, đời sống cảm thấy an bình.

Ngày đầu tiên, chúng tôi tắm biển, ngày hôm sau đưa các cháu đi chơi thăm ngoại cảnh của vùng Miami, đi du thuyền thăm khu

dân cư tư bản của Miami, du thuyền len lỏi trên sông lạch nhỏ, nhiều khúc sông đào chạy sau nhiều ngôi nhà của những triệu, tỉ phú đang ở hay nghỉ mát hay dùng cho những ngày tĩnh dưỡng. Hướng dẫn viên giới thiệu tên những tòa nhà của các tỉ phú, vua giàu lửa, chủ công ty xe hơi, trị giá vài chục triệu đô la, những chiếc du thuyền đậu sau nhà có giá lên tới 3, 40 triệu là thường.

Một ngày trôi qua nhanh chóng, chúng tôi trở về với bãi biển một ngày rồi lại dành hai ngày sau đó đưa các cháu đi thăm vùng sinh thái, động vật như cá sấu, cá voi, công viên dành cho ngựa hoang, hổ, sư tử... trên những con tàu cánh quạt lớn chạy lên được cả các bãi sinh lầy hết sức thoải mái và thú vị. Du khách có thể dành hai tuần lễ để nghỉ mát, du chơi khắp vùng biển Florida.

Đến ngày thứ năm, chúng tôi lại dành cả ngày cho tắm biển, ba bố con chơi đùa trên bãi cát trắng, lúc chơi banh, lúc làm nhà trên cát. Tôi đi tản bộ dọc theo bờ biển, về phía mặt trời đang lặn về miền Tây, tôi bỗng linh cảm thấy bóng dáng một người quen đang ngồi trên một chiếc ghế vải sát bờ biển nhìn theo, tôi cố không nhìn nhưng không được, dáng người đó đã in vào óc tôi. Tôi vừa quay bước thì nghe tiếng nhẹ nhưng rõ: cô Linh, phải không?

Tôi Hoàng đây, cô có nhận ra tôi không? Anh... tôi là Khánh Hoàng đây mà. Tôi vừa rảo bước như chạy thì nghe tiếng nói bên tai, Khánh Hoàng muốn được gặp và nói vài câu với cô được không? Tôi đang bệnh và dưỡng bệnh tại đây, tôi chắc không còn sống được bao lâu nữa, không ngờ được gặp cô ở đây, xin cô cho tôi được nói đôi lời giải bày. Tôi quay lại nhìn Hoàng, vẫn nét mặt vuông xương

xương, má hõm, môi thâm, hơi dày, cặp mắt tròn nhưng nhỏ, bây giờ trông xanh xanh, tai tái thiếu não hơn xưa nhiều. Tôi không muốn nghe mà chân như dúi lại, không bước đi được, tôi nói anh còn gì để nói, hả anh?

Không nhiều lắm, Hoàng nói, tôi xin cô dành cho tôi ít phút, mời cô đến uống cà phê hoặc ăn tối với tôi. Thôi được, tối mai tôi và Thái, nhà tôi sẽ gặp anh, tại đâu nhi.? Gặp anh tại quán Manzo's Italian Deli ở đường Palm Beach Lakes, chỗ đó rộng rãi mình tha hồ nói chuyện. Anh biết chỗ đó không? Hoàng nói, biết và hẹn gặp lại vào 7 giờ tối. Hoàng trao cho tôi số điện thoại của anh để nếu có gì thay đổi, tôi gọi cho anh ấy.

Trên đường trở về khách sạn, hai chân tôi lâng lâng trên bãi cát, tôi không ngờ đã gặp lại Hoàng, người anh rể, chồng cũ của chị Linh Bảo, tôi luôn nghĩ rằng Hoàng là một con người mà tôi không bao giờ muốn gặp, nếu hẳn không nói đau ốm thì thật dễ, tôi có thể phũ phàng từ chối.

Hai mươi năm về trước, một quá khứ của trẻ thơ, yêu đương, giận hờn, ghen ghét, đây sôi nổi lại trở về, một quá khứ mà gia đình tôi đã quên hoặc muốn không bao giờ nghĩ tới nữa. Gia đình tôi ngày đó là một gia đình trung lưu, bố tôi làm công chức, mẹ là dược sĩ có một cửa tiệm thuốc tây, nên cuộc sống của chúng tôi, ba chị em, rất thoải mái. Chị tôi, Linh Bảo, hơn tôi hai tuổi, là cái đình của gia đình. Cả nhà ai cũng đều yêu thương chị. Vào tuổi 18, ai cũng nói chị là người được hưởng mọi phúc lộc tốt của trần gian, chị nhỏ nhắn, da trắng mịn, mặt trái soan, mũi thẳng, mắt bồ câu, má có lúm đồng tiền, tóc đen mượt sỏ xuống hai bờ vai, chân tay xinh xắn mềm mại.. Chị lại ăn nói lễ phép, nhẹ nhàng với vẻ duyên dáng. Tóm lại chị Linh Bảo là cô gái thật xinh đẹp, được cả người lẫn nết. Tôi kém chị tôi hai tuổi, da dẻ đen hơn chị tôi, nói năng không được lưu loát, nhẹ nhàng như chị

Bảo, nhưng tôi cũng thường được khen là khá xinh. Chị em tôi thân nhau và hợp nhau, tôi thường bắt chước chị tôi mọi thứ, từ ăn mặc, học hành, cử chỉ, ăn nói v.v...

Bước vào lớp 12, chị Bảo được nhiều bạn trai theo tán tỉnh, trong số này có một chàng nổi bật, đang học Y Khoa, có vẻ được cha mẹ tôi cho phép đến nhà chơi và ngồi nói chuyện lâu tại phòng khách. Ai đến nhà chúng tôi nhất là bạn bè của bố mẹ, đều khen bố mẹ chúng tôi có hai cô con gái thật đẹp và ngoan, mỗi người một vẻ. Lâu lâu tôi lại nghe mẹ tôi thì thầm, bà An, bà Huệ ... muốn làm mai cậu này cậu nọ, nhưng chị Bảo tôi phản đối lấy lý do là còn nhỏ, muốn học xong đại học mới tính đến chuyện lập gia đình. Câu chuyện vẫn tiếp tục xảy ra cho đến một ngày, bà Mai làm mai dẫn đến chơi nhà cậu Khánh Hoàng được giới thiệu là Tiến sĩ Kinh Tế vừa tốt nghiệp ở Pháp về. Bà Mai kể cậu Hoàng vừa tốt nghiệp đã được chính phủ mời về giúp nước. Hoàng sẽ làm việc cho chính phủ với tư cách cố vấn bán thời gian, còn giành thời giờ vào việc mở mang văn phòng hay công ty kinh doanh sau này. Tuy mẹ tôi từ chối khéo nhưng bà Mai năn nỉ cứ để cho các cháu liên lạc, đi lại cho quen rồi sau sẽ tính.

Sau đó thỉnh thoảng Khánh Hoàng lại chơi thăm gia đình tôi, không lần nào anh tới là không có quà bánh, đủ loại, anh mang cả nước hoa đắt tiền như Chanel No 5, Eau de L'esprit cho chị tôi và bố tôi, còn mẹ tôi, tôi và em trai tôi Bách cũng có phần. Chị Bảo dần dần tỏ ra có thiện cảm với Hoàng, chị Bảo kể cho tôi nghe, chị thích nghe anh Hoàng kể chuyện học văn bên Tây, nhất là viễn vọng của anh về tương lai thì quá lớn nhưng có vẻ trong tầm tay và khả thi. Anh dự phóng sẽ nổi tiếng như một nhà tài phiệt giới, sẽ trở nên giàu có trong vòng 5 năm, anh phải thoát được cảnh gia đình bần hàn từ thời ông bà trở xuống. Anh gia nhập

EM VẪN LÀ CÔ GIÁO

Từ cát bỏng, bùn lầy... đến chông gai đá sỏi
Em vẫn đi rỉ máu gót chân hồng.

Chuyện xưa: “cái cò lặn lội bờ sông.”
Chưa chắc bằng em - ngược giòng thác lũ.
Lấy chồng lính duyên tình may rủi
Lời khen chê, an ủi... chẳng cần đâu

Cuộc đời thay như sấm nổ ngang đầu.
Em vẫn thế, nghĩa là em đã thắng.

Anh vào trại em cũng rời bực giảng.
Làm mụ nhà quê chân yếu tay mềm.
Nặng nhọc trăm bề trút xuống một thân em
Áo vá, mồ hôi... vẫn sáng ngời dung mạo

Rời bực giảng - Em vẫn là cô giáo.
Dạy đồng lúa, nắng hè chim sáo
Bài học kiên trinh, dầu núi lở non mòn.
Không bắt chước cái cò “ tiếng khóc nỉ non”.

Hãy nhếch mép coi khinh
Lời dối trá với nhục hình man rợ.

Kẻ trả thù anh - âm thầm lo sợ.
Đưa bé em bông, câu hát em ru...

Anh bao năm còm cõi một thân tù.
Bà con bỏ, cha mẹ già, bạn bè xa lánh
Biết chỉ còn em đi về ấm lạnh.
Lên núi xuống đồng nặng gánh tình chung

Để hiểu rằng khắp cả non sông
Chỉ có núi với em còn đứng vững.
Thật xấu hổ một đời thôi cũng hồng.
Những bài thơ lóng cồng mấy mươi năm,
Vẫn mơ màng chấp vá chuyện xa xăm.

Học trò em những mái tóc hoa râm
Gặp em cúi chào, vòng tay thưa hỏi
Mãi đến mai sau, em vẫn là cô giáo.
Anh như cậu học trò ngờ ngáo chuyện đời xưa

Lam Điền Nguyễn Thử
(Long Thành 05031985-Charlotte 2009)

ban cố vấn tài chánh của chính phủ để lấy tiếng, để tránh phải đi lính hay nếu có phải đi thì cũng chỉ vài tháng lấy lệ rồi biệt phái về sở này sở nọ, và anh vẫn có thời giờ để làm tiền. Tiên, tiền và tiền, anh nói chuyện say mê không chán nó. Mẹ tôi có vẽ tán đồng và nói Hoàng nó nghĩ đúng thời buổi này ai cũng nghĩ đến tiền và chạy theo tiền, có tiền là có thể lực, có danh vọng, vinh quang, có kẻ hầu người hạ, tóm lại là có tất cả đó các con ạ. Tuổi thanh xuân của Khánh Hoàng phải được trù lên bởi hào quang, danh vọng. Chị Linh Bảo tôi đã bị thu hút vào lòng tham vọng của Khánh Hoàng và bị chinh phục mau chóng dù Hoàng đã đến sau và còn có thể nói là hơi xấu trai nữa. Rồi đến khi chị tôi đậu xong tú tài 2,

hai họ làm đám cưới cho Hoàng và Linh Bảo.

Dâu đẹp, chú rể học rộng, tài cao đi vào đời như chuyện thần thoại, hai họ và mọi người thân, bạn hữu hết lời tán tụng. Tôi luôn theo dõi và nhìn họ như những thần tượng, chỉ mong sau này được một phần như họ là mãn nguyện. Sau đám cưới hai vợ chồng lên Đalat hưởng tuần trăng mật một tuần lễ, ngày họ trở lại Sài Gòn đến thăm bố mẹ, tôi đã thấy nét mặt chị Bảo có vẻ ưu tư, thoáng nét buồn. Chị Bảo thường không giấu tôi điều gì, chưa kể lại hay tâm sự với tôi cả những chuyện riêng tư nhất. nhưng lần này tôi không hỏi vì nghĩ có lẽ chị mệt mỏi sau một chuyến đi xa. Khoảng một tháng sau chị về thăm nhà vào buổi chiều và ở nhà luôn mấy ngày cuối tuần, đến đầu

tuần, mẹ tôi phải dục dã chị mới chịu ra về. Vài tuần sau chị lại về ở nhà nhiều ngày đến lúc bố mẹ tôi đã ngỡ có chuyện gì xảy ra mà chị không muốn hoặc không tiện nói. Bố mẹ tôi lại thúc giục chị về nhà và nhắc chị là phải luôn luôn ở bên chồng để phụ giúp chồng và tránh cho anh ấy khỏi lãng nhãng. Chừng hai tháng sau, chị Bảo về nhà cho riêng tôi hay chị đã ra ở riêng và đã kiếm được chỗ làm đủ sống, không cho bố mẹ hay sợ họ buồn. Tôi vô cùng sững sốt gặng hỏi mãi chị mới nói, anh Hoàng là người có học, giỏi nhưng nhiều tham vọng cuồng nhiệt, muốn lấy vợ giàu, có tiền cho anh làm ăn phát triển khả năng nghề nghiệp ngay, anh nghĩ rằng chị hay bố mẹ vợ sẽ cho anh ấy nhiều tiền, nhà cửa, đất đai vv... Mới sau hai ngày ở trên Đalat, anh Hoàng đã nói với chị là bà Mai, người làm mối đã nói với anh là ông bà nhạc tương lai sẽ cho anh một căn nhà và một số tiền để anh làm ăn thoải mái. Anh nhắc chị tìm cơ hội hỏi bố mẹ xem sao. Chị trả lời là chị không bao giờ nghe bố mẹ nói chuyện cho con tiền bạc nhà cửa gì cả, có lẽ bà Mai hiểu lầm sao đó. Chị hỏi anh lấy em, thông minh xinh đẹp như vậy chưa đủ hay sao? Anh ấy ậm ừ trả lời nhưng của cải tài sản rất cần cho xúc tác công việc. Nếu không có bột, quấy nổi hồ sao cho lên được và chưa biết đến bao giờ. Thời gian là quyết định và anh Hoàng muốn mọi việc anh làm sẽ phải vượt thời gian, Anh phải nổi tiếng và giàu có ngay để thụ hưởng tuổi thanh xuân.

Trước ngày trở về lại Sài Gòn, anh Hoàng lại nhắc chị nhớ phải hỏi bố mẹ sớm để anh ấy còn hoạch định công việc, em thấy chị quá đổi kinh ngạc và làm sao mở miệng hỏi bố mẹ được. Nghĩ sao về một chàng rể trọng ngãi hơn tình, nếu không nói là chỉ tính chuyện đào mỏ, chị đành tìm cách nhẹ nhàng lia bỏ anh ấy, làm sao cho bố mẹ không quá đau buồn, vì cái sốc ngàn cân này. Tôi đã bị choáng nặng khi hay tin này, một người chị, đầy đủ công dung ngôn

hạnh, tôi chưa thấy ai đẹp hơn chị mình, chủ quan thôi, chị đã hoàn toàn hưởng mọi điều tốt lành trên đời cho đến khi lấy chồng. Tấm gương sáng của chị đã thành đám mây đen trước mặt tôi, phải bao nhiêu năm tháng sau mới phai mờ. Sau khi ly dị vài năm, chị tôi tái lập gia đình, chị sống rất hạnh phúc với Tuấn Hưng và đàn con ngoan ngoãn, thông minh.

Chị tôi đã lấy được người chồng có học, ăn nói giỏi, khéo léo như chị hằng mơ ước, giấc mơ đẹp của một người con gái bình thường, chị đến với anh vì mến phục, vì tình yêu thương chân thật, nhưng anh Hoàng đã đến với chị tôi với mọi toan tính của riêng anh, đến với đầy tham vọng, đến với mục đích tìm cơ hội hay bực thang đưa anh sớm đến giàu sang, danh lợi. Hai người hai giấc mơ đối chiều vì lòng tham, ước vọng cuồng dục đã đưa giấc mơ có thể hiện thực thành ảo, nếu con người biết đâu là giới hạn của lòng tham, biết kiềm chế dục vọng, ước muốn thì cuộc sống quả là giấc mơ tiên.

Bây giờ tôi nhìn thấy lại những gì đã bay qua, tôi chờ đợi ngày mai đối diện với Khánh Hoàng để nghe anh ta nói gì và tôi đã sửa soạn một số lời trách móc nặng nề để đổ vào mặt anh ta. Vừa tới cửa nhà hàng Italian Deli thì thấy Khánh Hoàng đã đứng đợi chúng tôi ở cửa, vẫn bộ mặt ngày nào nhưng Hoàng đã già đi nhiều, gầy yếu, mặt xanh nhợt và dáng điệu yếu ớt, đúng anh ta đang đau làm lòng tôi trùng lại. Ngồi vào bàn, Hoàng giới thiệu các món ăn đặc biệt trong ngày cho chúng tôi thấy, tôi giới thiệu Hoàng với chồng tôi, hai người khi bắt đầu uống bia thì Hoàng ngỏ lời cảm ơn vợ chồng tôi đã tới, cho anh cơ hội để trình bày đôi lời về những lỗi lầm đã qua mà anh tin rằng dù tôi là người gần gũi nhất chưa chắc đã biết hết. Anh kể gần hai chục năm thất bại ê chề, do anh đã ảo tưởng về sức mạnh của dòng tiền, anh đã bỏ mất tình yêu chân thật, đầy tình

người của Linh Bảo và gia đình, để đuổi theo một cái bóng danh lợi phù du mà anh không bắt được. Đến lúc anh bị lở loét ruột rồi dẫn đến ung thư, phải cắt bỏ một phần bao tử, một khúc ruột dài, ăn uống không còn được nhiều nữa, anh mới nhận ra rằng mọi điều đều có giới hạn, nếu biết giữ, biết thương, biết thích những gì mình đang có, là điều hạnh phúc vô biên, hạnh phúc ở ngay bên mình, chung quanh mình mà mình không biết nắm lấy. Bây giờ bệnh của anh đã vào giai đoạn cuối, anh chỉ xin mọi người sẽ tha thứ và quên đi những tội lỗi của anh. Anh xin cho anh nói có lẽ lần chót, anh nói dài, nói nhiều về thời thơ ấu của anh, lớn lên đi học gặp muôn vàn may mắn, rồi được đi du học, đỗ đạt thành danh. Anh học ở một Đại Học Kinh Tế, sống trong môi trường kinh tế, suốt ngày học hỏi, tranh luận về thị trường, tiền tệ, xung quanh là xã hội tư bản, chỉ nói chuyện tiền bạc, tình người là mấy cô bạn gái đến với anh theo nhu cầu sinh lý không có tình yêu. Anh về nước vào lúc tình hình sôi động, một bầu trời vẩn đục, chiến tranh leo thang ngoài chiến trường, trong thành phố, người ta thi nhau chạy đi kiếm tiền, xây dựng nhà cửa cho Mỹ thuê, mở nhà hàng, quán ăn, ba, gái điếm khắp nơi để thu tiền, kiếm tiền với đủ mọi phương tiện. Thanh niên thì sì ke ma túy, trộm cắp, du đãng xảy ra hàng ngày, bên cạnh một cuộc chiến tranh khốc liệt. Làm kinh tế chỉ là chạy chọt, áp phe, lường gạt, không có chỗ cho lý thuyết này nọ ra đời hay phát triển. Việt Nam là một cái hồ bùn lầy nước đọng, đang bị vẩn đục vì chiến tranh, bọn phản chiến đang vận động la hét VN đang bao dung một cuộc chiến phi lý, phi nghĩa, tàn bạo cho chế độ tư bản. Thay vì đi tìm những người cùng chí hướng đang giúp nước để gạt đục khơi trong, anh đã mắc vào sai lầm lớn là nhảy ngay vào cái đầm lầy sôi sục đó để tìm giàu sang phú quý, để rồi kết quả như ngày nay, cái

gì kiếm được cũng mất hết, chỉ còn tiếng xú uế để lại.

Anh dần dần cũng đi vào mê hồn trận của giới áp phe không thoát ra khỏi cái vòng kim cô của họ. Anh đã gạt bỏ những cái hay cái thật đang có trong tay để đi tìm ảo vọng. Anh đã để cho tình yêu chân chất vụt bay, phải gần hai mươi năm sau khi chia tay Linh Bảo anh mới thấy hối hận, mới thấy niềm chua xót cho những sai lầm của anh. Tất cả những tài sản anh kiếm được đã mất vào tay bọn Cộng Sản khi chúng chiếm miền Nam. Người vợ sau cũng đã bỏ anh khi thấy anh bị đau ốm lê lết, anh không có con, nên anh sẽ ra đi vô hậu vào một ngày rất gần. Anh xin tôi chuyển đến bố mẹ tôi và Linh Bảo lời xin tha thứ. Bố mẹ tôi đã ra người thiên cổ từ lâu, còn chị Bảo đã nói chị gạt bỏ cái quá khứ xấu xa, cái nỗi đau bất hạnh chị gây ra cho bố mẹ và gia đình, dù không do lỗi của chị nhưng xã hội ta thời đó mọi tội đều đổ lên đầu người phụ nữ. Bố tôi đã có lần mắng chị Bảo, may không được bỏ chồng, chồng đuổi cửa trước thì về cửa sau, chứ nhà ta không có thói vợ bỏ chồng mà đi, không có thứ mèo mả gà đồng. Mẹ tôi còn có phần nào thông cảm cho con gái, có lẽ chị tôi đã không nói ra sự thực về người chồng của mình cho bố mẹ hay. Bây giờ tôi nghĩ chẳng nên nói lại việc vợ chồng tôi đã gặp lại Khánh Hoàng, một quá khứ đau buồn, đen tối của Linh Bảo, cái gì đã qua cho qua luôn, đó cũng là ý muốn của chị Bảo.

Khi đứng lên từ gĩa Hoàng, tôi không nói được gì, cổ họng tôi như nghẹn, những điều tôi muốn nói, muốn lên án nặng nề Khánh Hoàng đã tan biến ra khỏi trí óc của tôi. Ra khỏi nhà hàng, tôi nhìn thấy một vùng biển sáng, ánh sáng chan hòa lấp lánh trên những tầng mây từ phía chân trời xa, ở đó mọi vật đã trở nên vô thường, nhỏ bé và vô tận, dù trời đã về khuya.

Đỗ Phú Virginia

BẾN CHIỀU (Xương)

Em ơi, bỏ chị đứng bên sông
Quà quả sang đê, vượt cánh đồng
Kinh Bắc rời xa đàn sáo gọi
Vô Cùng bước tới nước non mong
Xưa nay thơ vẫn thay lời trách
Mai một tình thêm nhạt sắc hồng
Má thắm, môi son, rồi cũng nản
Bến chiều thuyền đợi để ai trông
Hawthorne 3-8-2010
CAO MỸ NHÂN

[2] SÔNG CHIỀU

Hiu hắt hoàng hôn trên nhánh sông
Gió thu xào xạc lá ngô đồng
Thuyền đi chở nắng đầy khoang nhớ
Sóng cuộn xô bèo giạt bến mong
Lãng đàng đầu non đôi nhạn trắng
Lừng lơ triền núi áng mây hồng
Không gian bàng bạc màu lưu luyến
Lòng kẻ xa nhà vẫn ngóng trông
Boston, 8.8.2010
ĐOÀN NGỌC KIỀU ANH

[3] CÔ LÁI ĐÒ

Đò neo nán đợi khách sang sông
Vẳng tiếng vi vu sáo mục đồng
Chinh chiến, người đi không trở lại
Điều tàn, kẻ ở vẫn chờ mong
Gió sương nhòa nhạt đôi môi thắm
Mưa nắng phôi pha cặp má hồng
Chiều xuống, nhà ai lên khói bếp
Buông chèo, cô lái thẫn thờ trông
Austin, Aug 9, 2010
HỒ CÔNG TÂM

[5] TÂM ĐỒNG

Đứng ở đầu sông nhớ cuối sông
Bên tai văng vẳng tiếng tâm đồng
Người đi nôn nóng niềm hy vọng
Kẻ ở dạt dào nỗi ước mong
Ngắm chị, rót mời ly rượu đỏ
Nhìn em, dâng tặng, nhánh hoa hồng
Hồn thơ lai láng tuôn ra mãi
Biết mấy cho vừa những... ngóng trông
Maryland 8/2010
PHAN KHÂM

[7] TÌNH THƠ

Đời còn chia nẻo mấy giòng sông
Người ở đầu non kẻ cuối đồng
Trăm nỗi ưu sầu chưa lắng dịu
Một niềm tương cảm vẫn hằng mong
Đã đau thế sự nhòa mây trắng
Càng tủi nhân sinh lấm bụi hồng
Thì trách chi nhau chiều bến lạ
Tình thơ hoa bút vẫn chờ trông
Suối Bạc, Aug 13, 2010
NGUYỄN VÔ CÙNG

[6] THU' GỬI CHỊ

Quanh quẽ phương này một bến sông
Chiều hôm gió cuốn quện hương đồng
Em còn mê mãi trời phiêu lãng
Chị vẫn ngậm ngùi nỗi nhớ mong
Ôi đã qua chưa mùa Hạ thắm
Mà sao để nhạt sắc Xuân hồng?
Mai đời có nối duyên thơ lại
Trở gót quay về thôi đôi ai trông!
Philadelphia Aug 9, 2010
NGUYỄN KINH BẮC

Mạn Đàm Về Thơ Đường Và Phép Xướng Họa

Nguyễn-Phú-Long

Một thể thơ xuất hiện vào thời nhà Đường bên Trung-Hoa, với những bài thơ có số câu, số chữ nhất định, luật lệ nhất định. Đó là thơ Đường luật.

Từ khi nước ta dùng văn Nôm, vào khoảng đời nhà Trần, cố tiên-bói Hàn-Thuyên đã áp dụng, phổ biến luật lệ của Đường Thi vào thơ ca Việt-Nam, do đó thơ Đường Luật còn được gọi là thơ Hàn Luật.

Mặc dù chúng ta không đồng ý quan niệm cho rằng thơ Đường chỉ là loại thơ nhằm thù tạc, thiếu xúc động, nặng công thức, gò bó, ưa mài giũa, dài lọc, thiếu hồn...nhưng cũng phải công nhận, như Nguyễn-Hung-Quốc đã viết trong cuốn *Nghĩ Về Thơ*: “Thơ Đường Luật thường phải tước bỏ phần lớn những từ có khả năng tạo nhạc” mà như ai đều rõ, thi ca thường gắn bó với nhau, nhạc trong thơ cũng là yếu tố quan trọng.

Luật lệ thơ Đường đã khe khắt, mà họa một bài thơ Đường lại cần thận trọng hơn vì người họa còn phải lưu tâm đến những vần, những ý, các chữ phải dùng, không được dùng theo bài thơ xướng. Bài thơ họa phải mang cùng nội dung. Nếu bài họa đề cập đến một ý khác, như vậy là lạc đề, bài thơ họa không đạt. Trường hợp bài họa không đạt có thể chỉ gọi là một bài “nương vận” thì đúng hơn. Đến đây xin đan cử hai bài thơ xướng họa lý thú trong văn đàn Việt-Nam.

Tôn Phu Nhân Quy Thục

*Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng;
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-Đông.*

*Lìa Ngô bịn-rịn chòm mây bạc;
Về Hán trau-tria mảnh má hồng.*

Son phấn thà cam dày gió bụi;

Đá vàng chi để thẹn non song.

Ai về nhắn với Châu Công Cẩn;

Thà mất lòng anh được bụng chồng.

Tôn-Thọ-Tường

Họa bài

Tôn Phu Nhân Quy Thục

Cài trâm xóc áo vẹn câu tòng;

Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.

Ngút tóa trời Ngô un sắc trắng;

Duyên về đất Thục đơm màu hồng.

Hai vai tơ-tóc bền trời đất;

Một gánh cương-thường nặng núi sông.

Anh hỡi! Tôn Quyền! anh có biết?

Trai ngay thờ chúa gái thờ chồng.

Phan-Văn-Trị.

Qua hai bài thơ trên, ta thấy thơ xướng họa còn được sử dụng như vũ khí để bênh vực cái quan niệm của mình cách tao nhã, “hòa nhi bất đồng”.

Từ đời nhà Đường tới nay, từ bên Trung Hoa sang đây thơ Đường và Đường thi xướng họa nói riêng vẫn là nguồn vui thú văn chương của nhiều người, tạo ra bao liên hệ bạn hữu tao nhã, giai thoại độc đáo... Về liên hệ bạn hữu thì có những bài xướng họa qua lại, những bài liên ngâm, thí dụ trong buổi họp mặt, trà dư tửu hậu, tuần tự mỗi người xuất khẩu góp một câu cùng

đề tài dễ chung cuộc có bài thơ Đường luật hoàn chỉnh giữ làm kỷ niệm. Về giai thoại xin kể bốn câu thơ cổ:

*Cửu hạn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bãng quả danh thi.*

Bài ngũ ngôn tứ tuyệt nêu lên bốn sự khoái của con người trên đời:

*Nắng hạn được mưa rào;
Xa quê gặp người cũ;
Đêm động phòng;
Thi đỗ...*

Ấy thế mà theo Bùi-Hữu-Nghĩa (1807-1872 quê ở Cần-Thơ, con nhà thuyền chài, đỗ giải-nguyên trường thi Gia-Định năm 1835) thì bài thơ ấy chẳng hay mấy, chưa đạt tới.. cực khoái! Bèn thêm mỗi câu hai chữ như sau:

*Thập niên cửu hạn phùng cam vũ
Vạn lý tha hương ngộ cố tri
Hòa thượng động phòng hoa chúc dạ
Nột nho kim bãng quả danh thi.*

Chắc không nói, ai cũng biết, với các thi sĩ tài ghê thâm hậu, kiến thức uyên bác người ta còn vẽ vờ ra nhiều hình thức như thơ khoán-thủ, thơ đọc xuôi ngược v.v... và đặc biệt là năm chữ dùng làm vần trong một bài thơ đôi khi các thi sĩ cố ý để lúc ghép lại chúng cũng là một câu văn có ý nghĩa (phần nhiều mang tính vui vui) như là: “Thằng ăn măng nhẵn răng”, “Ôi thôi rồi nôi xôi”, “Chiều tiêu điều yêu nhiều”... tới đây lại xin kể một bài làm thí dụ:

*“Không Chồng Trông Bông Lông”.
Chực gì bằng gái chực phòng không
Tơ tưởng vì chung một tấm chồng*

*Trên gác rồng mây ngao ngán đợi
Dưới khe cá nước ngẩn ngơ trông
Mua vui lắm lúc cười cười gương
Bán muộn nhiều phen nói nói bông
Vấn tưởng có chồng như có cánh
Giang san gánh vác nhẹ bằng lông.
Nguyễn Khuyển (?)*

Chẳng hay bài thơ trên có phải của Nguyễn-Khuyển chăng? Có người đã chép ra như vậy, nhưng không thấy ở sách nào, không biết đúng hay sai! Vị nào rõ xuất xứ làm ơn cho biết để đính chính lại sự thực. Loại thơ này bây giờ rất hiếm, chả thế mà cố vấn sĩ Xuân-Vũ có lần trần trở trong một tác phẩm (Không nhớ tên sách) đại khái đây là loại thơ cũng độc đáo, cũng hay mà nay ít người sáng tác.

Làm thơ Đường không phải chuyện dễ! Nhiều khi hoàn tất, rà đi rà lại, “nhất tam ngũ bất luận; Nhị tứ lục phân minh” mà vẫn nghe như không ổn. Thôi-xao bao nhiêu lượt vẫn thấy không êm xuôi, có lẽ cần phải xét đến vấn đề nữa. Vấn đề khổ đọc, một điểm nhỏ ít người để ý.

Khổ đọc là khó đọc, làm cho giai điệu bài thơ không trơn tru gây khó khăn cho nghệ sĩ ngâm thơ. Trong thơ Đường, thất ngôn bát cú, chữ thứ năm câu lẻ, trừ câu thứ nhất, tức là câu 3, 5, 7 và chữ thứ ba trong câu chẵn 2, 4, 6, 8 nên làm âm bằng, nếu là âm trắc vẫn đúng nhưng bị khổ đọc.

(Đây là tài liệu của Câu-Lạc-Bộ Unesco về thơ Đường ở thành phố Sài-gòn do người bạn gửi cho)

Xương họa thơ Đường khó hay dễ?

Làm thơ Đường còn khó hướng chi họa thơ Đường. Thêm vào đó chắc chắn là người họa thơ nhiều lúc gặp vần éo le hay từ vận thì rất kẹt. Bà Hồ-Xuân-Hương có

câu thơ: “Lượng cả xin ông chó hẹp hòi”. Người họa vượt qua được cũng tỏ ra tài tình: “Xích lại gần đây tớ thắm hời”. Lại nữa, số là Thi hữu Hồ-Công-Tâm trước đây có câu thơ trong bài Nửa Khuya: “Giấc ngủ đêm đêm lại chập chờn” làm kẻ viết bài tùy bút ngắn này cũng một phen mất ăn mất ngủ mới họa được:

“Lạ thực, bài thơ có vận “chờn” để rồi “đầu chạy đuôi lợt” phẳng luôn sang câu thứ hai “Cứ làm day dứt mỗi duyên đơn”.

Tim chữ để họa thơ là rất nhọc nhằn đã đành. Làm thơ Đường, dù cho có cẩn thận vô cùng đôi khi phổ biến rồi cũng thấy còn sơ sót, tỷ như người bị “ma đưa lối, quỷ đưa đường” bịt mắt vậy. Đó là nói chung với những người và bài thơ thường thường thôi, còn những vị hảo hớn “danh trấn giang hồ” như Thôi-Hiệu với Hoàng-Hạc-Lâu; Nguyễn-Du với Độc Tiểu Thanh Ký thì thật là không biết nói làm sao.

Năm Quý Dậu 1813 nhân chuyến đi sứ sang Tàu, Nguyễn-Du tình cờ đọc một bài ký của nàng Tiểu-Thanh, hồng nhan bạc mệnh, một mỹ nhân đã sống trước Nguyễn Du chừng 300 năm, đọc xong sứ giả bèn ngâm ngùi thốt lên rằng:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như”.*

Đó là hai câu thơ. Toàn thể bài thơ như sau:

*Độc Tiểu Thanh Ký
Tây Hồ mai uyển tấn thành khur (2)
Độc điệu song tiền nhất chỉ thư (1)
Chi phán hữu thân liên tử hậu (5)
Văn chương vô mệnh lụy phần dư (6)
Cổ kim hận sự thiên nan vấn (3)
Phong vận kỳ oan ngã tự cư (4)
Bất tri tam bách dư niên hậu (7)
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như. (8)
Nguyễn-Du*

Bài thơ này có in trong Bắc-Hành Thi Tập, nhiều người biết nhưng đa số nhiều người chỉ biết và thuộc hai câu cuối đề nói lên, viết ra khi cần kết thúc câu chuyện, bài viết... về cuộc đời không toại nguyện của Nguyễn-Du, do đó chẳng thấy toàn bài bị thất niêm, thất luật.

Đông Các Học Sĩ Nguyễn-Du làm thơ thất niêm sao? Nhiều người tin không thể xảy ra chuyện như thế được! Nhưng bài thơ còn rành rành đó mà! Người ta tìm hiểu, nghiên cứu, giải thích... Có người cho rằng bài thơ trên chỉ là bản nháp, hoặc khi đem vào Bắc-Hành Thi Tập thì đã vô ý lẫn lộn, người chép đã viết sai. Chính xác bài thơ ấy phải theo sự xếp đặt số câu trước sau theo thứ tự 1, 2, 3, 4, ghi chú như trên:

*Độc điệu song tiền nhất chỉ thư
Tây Hồ mai uyển tấn thành khur
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kỳ oan ngã tự cư
Chi phán hữu thân liên tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.*

Mục đích là cùng nhau suy gẫm, học hỏi... Để kết luận, hân hạnh trình bày vấn đề bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký ở đây, theo mấy nét chính, ngắn gọn từ một bài viết công phu phổ biến năm 2005 của một người bạn uyên thâm nho học, ông Linh-Đàn Nguyễn-Hữu-Kiểm hiện ở Sài-Gòn.

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

Nhận xét về cuốn **Tìm Một Cõi Về** của Nhà Văn Nguyễn Lân

Bùi Bích Hà

Nhà văn Nguyễn Lân lại vừa về qua Quận Cam để giới thiệu tác phẩm văn chương thứ hai của ông, “Tìm Một Cõi Về,” 7 năm sau cuốn thứ nhất “Sôi Nổi.” Thời gian giữa 2 cuốn sách không để lại một dấu ấn nào trên khuôn mặt và dáng dấp phong nhã của ông. Hỏi bí quyết, ông chỉ cười, nhũn nhặn đáp lại bằng câu hỏi ngắn: “Thế à?”

Trong lời mở đầu cuốn sách, ông vừa khiêm nhượng vừa kín đáo bày tỏ hy vọng tâm sự ông gởi gắm qua những trang giấy, tuy được ông dẫn giải là để độc giả “mua vui” nhưng cũng sẽ được người đọc đón nhận với một chút ưu tư, không dành riêng cho ông mà cho tất cả những ai có cùng hoàn cảnh với ông, đã sống một cuộc đời ngoại lệ.

Nhân vật tên Phong của ông, vai chính trong “Tìm Một Cõi Về”, được ông cho biết là nửa hư cấu, nửa hiện hữu. Phong tốt nghiệp đại học sư phạm Sài Gòn, được bổ về dạy tại một trường nữ trung học công lập nổi tiếng thập niên 60, thế kỷ trước. Thông minh, lịch duyệt, đẹp người, ông là giấc mơ đầu đời của các cô học trò nhìn thầy như thần tượng. Mặc cho bà hiệu trưởng lo lắng, mặc cho nội quy nghiêm ngặt của nhà trường, ông thầy hào hoa, đa cảm, xuất thân

từ một giòng họ văn học lầy lừng, đã để lòng mình thôn thức rung động vì nhan sắc thanh tân, kiều mị của cô nữ sinh Uyên Nhã. Cuộc tình đẹp như mơ, như thơ, trong nắng sớm, trong sương chiều, trong hẹn hò khao khát nhưng ông thầy biết nó sẽ mãi mãi là mơ, là thơ và không bao giờ mặc được tấm áo bụi bặm của thế gian. Ông tự biết ông mang trong thân thể mình một bí ẩn không cách nào bày tỏ cùng ai. Thượng Đế, cha mẹ, khi ban cho ông đời sống, đã đồng thời giam ông vào ngục tù nghiệt ngã. Cho dù ông có khả năng yêu thương tràn trề, cho dù ông có thể là một chú rể lý tưởng trong tiệc tân hôn, chỉ riêng ông biết hai cánh tay ông bị trói vào số phận không may, khiến ông không có khả năng đem lại cho người bạn đời của ông niềm hạnh phúc làm mẹ một đàn con.

Vấp phải bức tường định mệnh kiên cố này, ông chấp nhận ngã xuống rồi đứng dậy, nhiều lần, như một con kiến mang nặng thân phận, cố leo lên cái chiều cao mơ ước, biết là để lại lẩn xuống cho một thử thách khác, càng lúc càng tuyệt vọng nhưng sức sống đầy ứ trong trái tim nhỏ bé vẫn không ngừng kêu đòi quyền sống và thúc đẩy nó tìm đường thoát thân.

Đau khổ, dày vò, trần trở, nghẽn tắc, bị vây khốn nhưng thiên nhiên và đời sống vẫn đẹp đến tê dại trên những đầu dây thần kinh nhạy cảm của ông. Ông không muốn chịu thua, ông không muốn bỏ cuộc, ông

Vu Lan

Hồng nâng cánh tình thương
Vu Lan đóa diệu thường
Báo đền ơn sâu hiếu
Ân đặng giọt phước sương.

Ý Anh

*

Trung Thu

Ngây thơ đôi mắt em nhìn
Lung linh đèn nến anh tìm ra trăng
Cười tươi đôi má tròn căng
Vọng vang xóm nhỏ
thành rằm của anh.

Ý Anh

phải tìm cho bằng được một nơi an trú cho tâm hồn ông nương náu trong cõi tạm này trước khi xuôi tay về với hư vô. Những cô thiếu nữ bình thường không có với ông một khởi điểm chung để cảm nhận cùng ông món quà ông trao tặng họ. Họ lần lượt rời bỏ ông. Ngay cả một bệnh nhân nan y mà ông tìm đến ở một nơi đèo heo hút gió, chỉ với mục đích đem tấm chân tình đền bù sự khiếm khuyết của cô và cùng băng bó vết thương cho nhau thì ý thức về tình yêu được ông gọi dậy trong cô cũng chỉ cho cô đủ sức mạnh để cô một mình bươn bả đi

tìm bác sĩ chữa bệnh, với hy vọng cô được trả về đời thường, ôm lấy những hệ lụy kiếm tủa của xã hội, như mọi ai.

Người chiến sĩ kiên cường, li lợm, đau buồn đau trong từng hơi thở, không ngừng đi tìm sinh lộ mới cho mình. Cứ gỡ đi, cửa sẽ mở. Cuối cùng, một phụ nữ vì mất tiếng nói trong một tai nạn nên đã nghe được tiếng lòng của ông trong thinh lặng. Khiếm khuyết trong khả năng thiết lập tương quan với người bên cạnh, tuy Phong và cô có chỗ khác nhau nhưng họ có cùng sự bối rối và thua thiệt để dễ cảm thông nhau. Phong sung sướng tìm được “một cõi về” giữa cuộc đời đã bạc đãi ông đến điều nhưng ông không ngừng yêu thương và say mê nó.

Giữa Phong và tác giả, thực hư nhiều ít thế nào, thiết tưởng cũng không cần đo đếm. Chỉ biết họ như bóng với hình. Chỉ biết con đường họ đi không suông sẻ, khổ đau rất nhiều. Chỉ biết họ rất dũng cảm, đầu ngẩng cao, mắt nhìn thẳng, không sợ hãi, ngậm hết ê chề và nuốt cạn chén đắng. Chỉ biết họ rất nhân ái, cứ yêu thương người dù đời bạc như vôi. Con tim họ là cả một vườn hoa được vun xới, nâng niu, trau chuốt, để dâng ngọt ngào hương sắc cho đời. Cho đến con chữ cuối cùng, Tác Giả Nguyễn Lân vẫn còn chấp nhận đem tâm sự đời ông làm câu chuyện mua vui cho người đọc, khiến em liên tưởng đến câu kết truyện Kiều thật chua chát của Cụ Nguyễn Du: Mua vui cũng được một vài trống canh. Nói vậy nhưng ông không khởi thác thỏm, mong đợi có ai đó hiểu mình: khi gấp cuốn sách lại, may ra còn một chút gì...

Tình Yêu và Hy Vọng là tất cả tài sản quý giá của tác giả “Tim Một Cõi Về”.

Bùi Bích Hà (California)

Tâm Tình Tác Giả

Tim Một Cõi Vê

NGUYỄN LÂN

Tim Một Cõi Vê là một cuốn tiểu thuyết đặt trọng tâm vào một con người mà Thượng Đế khi ban cho đời sống đã đồng thời đưa anh ta vào một định mệnh nghiệt ngã là không thể duy trì giòng giống như những người bình thường. Đó là cuộc đời của một con người đa cảm khao khát yêu thương.

Viết để mua vui cho độc giả cũng có mà để thực hiện một ước mơ là sau những trang cuối cùng, gấp cuốn sách lại, độc giả tìm được đôi điều hữu ích. Vì là một cuốn truyện nên có nhiều phần hư cấu. Tác giả lấy cái thực để rút kinh nghiệm, lấy cái hư để mơ tới điều chưa có được trong đời.

Mỗi ngày qua đi chúng ta càng bước tới gần nắm mồ của mình. Đáng buồn thật! Sao ta không nghĩ mỗi ngày qua đi ta càng tới gần nơi vĩnh cửu? Nhưng đã mấy ai sửa soạn cho ý tưởng đó vì ta còn nhiều việc phải làm, nhiều chương trình chưa thực hiện, nhiều ước muốn chưa hoàn tất và ngay cả tình yêu nhiều khi chưa trọn vẹn. Ta đang sống và trên con đường ta đi, đường đời, ta vẫn phải **tìm một cõi về** dù là tạm bợ trên thế gian.

Con đường đó lúc nào cũng có hai khía cạnh tương phản nhau, một bên u sầu ảm

đạm, một bên sáng lạn huy hoàng, một bên xám, một bên hồng. Thì cứ nhìn hưởng màu hồng mà đi để lòng được ung dung tự tại. Cho dù có sa lầy cũng không nản lòng. Cứ coi như có nếm mùi thất bại mới cố vươn tới thành công. Trên trường đời, trong cái rủi vẫn ẩn cái may, trong khổ đau vẫn nhú mầm hạnh phúc. Cứ coi như những khó khăn, những chông gai chỉ là những thử thách để kích động ý chí tiến thủ, là chất xúc tác để đạt tới thành công.

Mỗi người có một lối sống, mỗi người có một quan niệm khác biệt về cuộc đời nhưng không ai là không kinh qua những giai đoạn đau thương, không ai là không một lần vấp ngã. Đây là cái NGHIỆP phải trả. Có thể mới thấu hiểu cái KHÔNG của cuộc đời. Nói một cách khác, Trời bầy đặt ra như thế, Đấng Sáng Tạo muốn thế.

Cuộc đời là một chuỗi những ràng buộc. Ràng buộc đã trở thành xiềng xích khiến con người bị tù hãm. Tù hãm của những người chung quanh, tù hãm của quá khứ, tù hãm của đạo đức, của luân lý cổ truyền mãi mãi không thoát ra được. Những cái đó đã trở thành thói quen khiến con người không nhận ra mình đang bị trói, tâm tư đang bị cùm, khó mà khai phóng, bước tiến chậm hẳn lại. Chỉ có sức mạnh vô hình mới gỡ dần những ràng buộc. Sức mạnh đó là **đức tin**. Thế nên, trong *Tim*

Một Cõi Về, tôn giáo được nhắc nhở đến, đạo Phật và đạo Thiên Chúa như cứu cánh của đời người.

Ngoài đức tin, chúng ta còn cần điểm tựa làm sức bật của cuộc sống. Điểm tựa đó là **tình người**: tình gia đình, tình bè bạn, tình thầy trò, tình xã hội, tình dân tộc và cũng không thể quên được tình yêu!

Yêu là thế nào?

Là “thấy cả cuộc đời lên sắc thắm” hay là “chìm xuống đáy vực sâu thăm thẳm”?

Người xưa có câu:

“Tự cố chí kim, yêu là khổ

Tự kim chí cố, khổ vẫn yêu”

Nói cho cùng, ai trong chúng ta, trừ những người chí tâm luyện đạo, trừ những bậc chân tu, lại không có ít nhất một lần trong đời với một tình yêu hoặc lãng mạn vẫn vợ, hoặc cuồng si sôi động, vì:

“Đời không ân ái, đời vô vị

Kiếp sống không yêu, kiếp sống thừa”

Thế nên, những cảnh yêu thương đôi lứa trong TMCV có những đoạn nhẹ nhàng thì cũng có những đoạn bốc lửa, rất “nóng” nhưng rất “người”. Có gợi lòng dục hay không là tùy ở người đọc lòng thanh hay tục. Một áng văn, một bài thơ, một bức họa, một pho tượng đều là những sản phẩm nghệ thuật. Nếu ngắm một pho tượng khỏa thân hay xem một bức tranh mô tả hành động ân ái của một đôi trai gái, người lòng thanh chỉ rung động vì nét khắc tuyệt vời của điêu khắc gia, nét vẽ gợi cảm của nhà họa sĩ. Nhưng người lòng tục nhìn thấy

những cái đó dục vọng sẽ dấy lên. Thì văn chương, thi phú đối với con người cũng vậy.

Trong TMCV tác giả nói đến nhiều cái đẹp vì đối với tác giả cái đẹp thật cao quý, thật đáng tôn trọng. Từ cái hoa mỹ của văn chương, nghệ thuật đến cái diệu kỳ của khoa học, của kỹ thuật. Trong vũ trụ, tác giả mến mộ nét đẹp của thiên nhiên – từ cái đẹp thanh tao của đầu cây ngọn cỏ, cái đẹp lộng lẫy của muôn hoa, cái đẹp lặng lẽ của dòng sông, cái đẹp mênh mông của biển cả, cái khôi vĩ của núi non hùng tráng đến cái đẹp đầy màu sắc sống động của cầm thú và cuối cùng, cái đáng yêu, cái đẹp của con người – từ thể chất đến tâm hồn – tác phẩm cao nhất, tinh vi, tuyệt diệu của Đấng Sáng Tạo.

Trong TMCV, tác giả đã dẫn nhân vật chính tới cuối chặng đường tìm được cuộc sống thanh thản, dung dị mà đầy cuốn hút. Sống cho hiện tại. Sống với lương tâm. Đối đầu với những thử thách khó khăn bằng thái độ bình thản. Quay lưng lại những đau thương hãi sợ để tâm hồn được an bình. Quên đi những bất hạnh bên ngoài mang lại để dễ dàng tha thứ, tha thứ cho người mà cũng cho mình.

Mong ước người đọc nhìn thấy thâm ý của tác giả và cũng mong ước cuốn truyện nhỏ nhoi này mang đến cho độc giả vài giờ thư giãn.

NGUYỄN KHÂN
(Virginia)

Vàng Chiếc Lá Thu

Chiếc lá vàng bay mang mùa thu tới
dòng thủy triều dâng khi đầy lại vơi
tình dân phai bao cung sầu vời vơi
thương cánh hoa tàn vương giọt sương rơi.

Dòng lệ lặng thắm hôm nào ly biệt
cho đôi tâm hồn mãi nhớ về nhau
lòng cứ ngỡ vừa qua cơn mộng đẹp
lời trách yêu sao truyền cảm dạt dào.

Vì mãi nhìn nhau quên cả nhìn trăng
kỷ niệm xa xôi ai nhớ gì chẳng
nước đưa nhánh sông chảy xuôi về biển
tình bơi ngược dòng gợn sóng bắn khoan.

Cuộc đời sẽ phai bao niềm tiếc nuối
thời gian, dung nhan, biết còn lại gì
ta vẫn là ta trải bao thay đổi
người ơi già biệt, lệ mờ hoen mi.

Lá vàng chiều nay nhẹ bay theo gió
Thu về man mác những nỗi sầu riêng
Nhà ai vừa nở cánh hoa tim vỡ
Dĩ vãng dầu buồn, tình đẹp triển miên.



Đỗ
Thị
Minh
Giang
(Arizona)

Thì Thơ Buồn Em Mãi Dệt Vẫn Đau

Da em trắng cho tuyết hờn ả náu
Tóc em bay cho mây cuốn trôi mau
Mắt em sâu cho giếng nước âu sầu
Tim thổn thức cho gió chiều lay động

Em vẫn thế vẫn người em sầu mộng
Mang tình sâu vào giấc ngủ mong manh
Mang thở than cho hoa lá khô nhảnh
Mang nhung nhớ về lay miền dĩ vãng

Mưa vẫn rơi cho đêm dài trống vắng
Thu vẫn về cho cây nổi điệu linh
Đời xót xa cho đá phải tự tình
Nhịp u uân cho cung đàn chùng phím

Nếu cuộc đời tràn lan muôn sắc tím
Thì thơ buồn em mãi dệt vẫn đau
Thì bến mơ em cột với nhánh sầu
Thì xa vắng có còn là hư ảo?



Uyên
Phương
Minh
Nguyệt
(Texas)

BƯỚM VÀNG ĐANG ĐẬU

Thơ : Phan Khâm
Phổ nhạc : Nguyễn tất Vịnh

Vừa phải - lằng lằng.



"Bướm vàng đang đậu dọt cau tơ", em đậu hồn tôi thấy sùng



sờ. Xuôi gió thuận bướm xin bến đậu, bến nào êm à đậu dòng



thơ. Bướm vàng đang đậu dọt cau non, chim đậu đất lành hót véo



von. Khúc hát tình xuân mùa hạnh ngộ, nồng nàn neo ý buổi giao

MỘT TUẦN ĐÃ QUA.

Thứ Hai khoác áo thiên-thanh,
Băng ngang cửa sổ, né anh, ngại chào.
Thứ Ba mắc-cỡ hay sao,
Áo hồng thật đẹp, chẳng vào thăm nhau.
Thứ Tư với áo nhiều màu,
Ý cho hàng-xóm-chưa-lâu rộn ràng.
Thứ Năm, thứ Sáu ngó sang,
Được em nhìn lại nhẹ-nhàng, thướt-tha!
Lòng vui, anh cứ tưởng là...

Nào ngờ thứ Bảy thấy tà áo bay,
Cùng ai ríu-rít cầm tay,
Để anh Chủ-Nhật một ngày chơ-vơ...
Bên ni, bên nớ bây giờ
Kệ người áo mặc, không chờ nữa đâu!
Thế mà... đôi lúc về sau,
Dù không duyên-nợ, nhớ nhau bồi-hồi.

Nguyễn-Phú-Long

(Virginia)

ngón. Bướm vàng đang đậu đọt cau xanh, tôi
đậu tím em muốn dỗ dành. Nhớ Huế về em thôn Vỹ - Dạ, lụa
mềm ngọc ngấn đậu trắng thanh. Bướm vàng đang đậu đọt cau duyên,
tâm tưởng trao nhau phút diệu huyền. Đã phải lòng nhau vào bến
đâu, bến nào hoa bướm kết ước ương